

**GIỚI BẢN KHẮT SĨ
TÂN TU**
The Revised Pratimoksha

**Nghi thức
Tụng Giới Nam Khất Sĩ**

Hội Đồng Giáo Thọ Đạo Tràng Mai Thôn Thực Hiện

Với sự yểm trợ và soi sáng của nhiều vị Tôn Túc
đã từng viếng thăm và thực tập tại Làng Mai
trong hai mươi năm qua

Mục Lục

Table of Contents

Nghi thức Tụng Giới Nam Khất Sĩ

Lời Ngỏ	11
Dẫn Nhập	19
Mở Kinh	23
Khai Thị	24
Tác Pháp Yết Ma	26
Tụng Giới	29
Giới Rời rụng (Ba-la-di)	29
Giới Tăng thân giải cứu (Tăng-già-bà-thi-sa)	31
Giới Buông bỏ và Phát lộ (Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề)	37
Giới Phát lộ (Ba-dật-đề)	44

Giới Uy nghi (Chúng học)	63
Phương pháp Diệt trừ tranh chấp (Diệt tránh)	75
Kết Thúc	78
Bốn phép Nương tựa	79
Bốn cách Xử sự	80
Hồi Hương	82
Giới Tăng thân giải cứu	
Phương pháp thực tập Biệt trú, Làm mới và Giải tội	85
Văn Phát lộ	86
Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian thực tập Biệt trú	86
Văn xin thực tập sáu ngày Làm mới	87
Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian sáu ngày Làm mới	87
Văn Giải tội	88
Giới Buông bỏ và Phát lộ	
Phương pháp sám hối trước toàn thể đại chúng hay trước ba, hoặc hai vị đại diện của tăng đoàn	

Recitation Ceremony of the Bhikshu Precepts

Preface	93
Introduction	101
Opening the Sutra	105
Sanghakarman Procedure	108
Recitation	111
Degradation Offences (Parajika)	111
Sangha Restoration Offences (Sanghavashesha)	113
Release and Expression of Regret Offences (Naihsargika-Payantika)	120
Expression of Regret Offences (Payantika)	128
Fine Manners Offences (Shaiksha)	150
Ways of Putting an End to Disputes (Sapta dhikarana-shamatha-dharma)	163

Conclusion	166
Four Objects of Refuge	167
Four Ways of Meeting with Certain Situations	168
Sharing the Merit	170
Sangha Restoration Offences	
Methods for Practicing Dwelling Apart, Beginning Anew and Purifying the Offence	173
Text of Admitting a Sangha Restoration Offence	174
Text of an Announcement to be made everyday while Practicing Dwelling Apart	174
Text to Request to Practice Six Days of Beginning Anew	175
Text of an Announcement to be made everyday while Practicing Six Days of Beginning Anew	175
Text for Requesting Purification of a Sangha Restoration Offence	176
Release and Expression of Regret Offences	
Methods for Practicing Expressing Regret and Beginning Anew	177

Nghi thức
Tụng Giới Nam Khất Sĩ

Lời Ngỏ

Giới kinh (Ba-la-đề-mộc-xoa) là con đường đào luyện người xuất gia. Thực tập theo Giới kinh, người xuất gia thanh tịnh hóa thân tâm, nuôi dưỡng lòng từ bi để tiếp xử với mọi loài và đi tới trên con đường giải thoát. Giới kinh không phải chỉ là những luật lệ. Phải hiểu giới như là phép rèn luyện, và mỗi giới trong Giới kinh bảo đảm cho người xuất gia một lĩnh vực tự do các biệt. Thực tập theo Giới kinh, ta bảo vệ được tự do trong đời sống hằng ngày. Và cũng vì vậy, Giới kinh (Pratimoksha) được dịch là *biệt biệt giải thoát* (tự do trong mọi lĩnh vực), *xứ xứ giải thoát* (ở đâu cũng được thành thoi) và *đối hướng giải thoát* (bước về hướng thành

thời). Giới nào cũng phát xuất từ sự thực tập chánh niệm. Chánh niệm giúp ta thấy rõ được những tư tưởng, lời nói và hành động nào giúp ta đi về phía giải thoát, và những tư tưởng, lời nói và hành động nào đưa ta về nẻo khổ đau hệ lụy.

Từ năm thứ năm sau ngày thành đạo, đức Thế Tôn đã bắt đầu chế giới cho chúng xuất gia, với sự cộng tác của các thầy lớn. Công trình chế giới này được kéo dài cả bốn mươi năm, mỗi giới đáp ứng với một trường hợp hoặc một nhu cầu thực tập. Ngày đức Thế Tôn nhập Niết bàn, Ngài có dạy thầy Ananda rằng những giới nhỏ không cần thiết và quan trọng mấy có thể được bỏ bớt đi để sự hành trì giới luật luôn mang tính thích ứng. Nhưng đã hơn 2500 năm mà lời dạy ấy của đức Bổn sư vẫn chưa được thực hiện.

Mấy trăm năm sau ngày Bụt nhập diệt, khoảng hai mươi tông phái Phật giáo đã được hình thành, mỗi tông có luật tạng (Vinaya Pitaka) riêng của mình. Luật tạng là một nền văn học phong phú có mục đích quy định tiêu chuẩn và phương pháp thực tập để người xuất gia và cộng đồng xuất gia có thể sống hạnh phúc, thành đạt trong sự nghiệp giải thoát và giác ngộ. Vì luật tạng của tông phái nào cũng có nguồn gốc nơi Phật giáo nguyên thủy, nên thanh quy và Giới kinh của các tông phái tuy nhiều nhưng đại khái vẫn cùng chung một tinh thần và nội dung.

Giới kinh (Pratimoksha) là trái tim của luật tạng. Đây là một văn bản mà các vị xuất gia đã thọ giới lớn phải tụng đọc mỗi tháng hai lần trong lễ Bố tát (Uposadha). *Bố tát* có nghĩa là *trưởng tịnh*, nghĩa là nuôi lớn sự thanh tịnh. Ở Việt Nam và Trung Quốc, các thầy và các sư cô thường tụng giới bản của Đàm Vô Đức Bộ (cũng gọi là Pháp Tạng Bộ, tiếng Phạn là Dharmagupta) trong khi ở các nước Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện... các thầy lại tụng giới bản của Xích Đồng Diệp Bộ (Tamrasatiya) cũng gọi là bộ phái Theravada. Giới bản của Đàm Vô Đức Bộ có 250 giới về phía nam khất sĩ, trong khi giới bản của Xích Đồng Diệp Bộ chỉ có 227 giới. Ngoài một vài điểm sai khác không quan trọng, hai giới bản này gần như giống hệt với nhau.

Đạo Bụt phải được duy trì như một thực tại sống động. Như một thân cây, các cành khô phải được cắt đi để cho những nụ mới được xuất hiện. Những nụ mới này là những giáo lý và những phương pháp thực tập có thể đáp ứng được những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới. Những phát triển kỹ thuật, tin tức báo chí và tốc độ của đời sống mới đã ảnh hưởng nhiều tới đời sống những người xuất gia. Những dấu hiệu của sự phá sản và xuống dốc của nếp sống xuất gia đã được nhận diện rất rõ trong đạo Bụt và ở các tôn giáo khác. Vì vậy sự có mặt của một **Giới bản tân tu** đã trở nên một điều cần thiết.

Hội đồng giáo thọ của đạo tràng Mai Thôn trong năm năm qua đã tham vấn với rất nhiều vị luật sư cũng như các vị trưởng thượng ở Việt Nam và ở ngoại quốc trong quá trình nhận diện những nhu yếu mới của giới xuất gia để có thể cống hiến một Giới bản tân tu vừa có tính cách khế cơ vừa có tính cách thực tiễn. Các vị xuất gia gốc Âu, Mỹ và Úc Châu cũng đã được tham khảo. Vì vậy Giới bản tân tu này hy vọng có thể đáp ứng được nhu cầu của giới xuất gia cả Đông lẫn Tây. Trong khi thực hiện Giới bản tân tu, chúng tôi đã nỗ lực để dừng gia tăng thêm số lượng các giới. Số giới trong giới bản của nam khất sĩ vẫn còn là 250 giới, và trong giới bản của nữ khất sĩ vẫn còn là 348 giới - y hệt với con số trong giới bản của Đàm Vô Đức Bộ.

Giới bản tân tu này đã được công bố lần đầu ngày 31.3.2003 tại Viện Đại Học Tăng Già Trung Ương ở Hán Thành, Đại Hàn, một trong những xứ Phật giáo Đại Thừa ở Châu Á. Trong Giới bản tân tu, những giới không còn thích hợp với hiện đại được thay thế bằng những giới có công năng bảo hộ cho sự thực tập và giá trị đích thực của người xuất gia trong thời đại mới, như những giới có liên hệ tới sự sử dụng xe hơi, máy vi tính, máy truyền hình, điện thoại cầm tay, trò chơi điện tử, điện thư và mạng lưới Internet. Giới bản cổ truyền đáp ứng tuyệt hảo với thời đại của Bụt, Giới bản tân tu đáp ứng đích thực với thời đại mới, rất thiết thực, không hề có tính cách lý thuyết hoặc giả định. Các vị luật sư trong khi giảng dạy giới bản luôn luôn nói về nguồn gốc

của sự chế giới cho từng giới; Giới bản tâm tu cũng vậy, các giới mới được chế tác cũng căn cứ trên môi trường sinh hoạt của tăng thân trong xã hội hiện thời.

Sự công bố Giới bản tâm tu sẽ ảnh hưởng không những tới giới Phật giáo mà cũng sẽ có ảnh hưởng tới các tôn giáo khác. Và đây không phải chỉ là một sự kiện thuộc giới tâm linh và tôn giáo: nó còn là một sự kiện văn hóa.

Có người hỏi: Quý vị là ai mà dám tu chỉnh giới của Bụt ? Câu trả lời: Chúng ta đều là con của đức Thế Tôn, và chúng ta là sự tiếp nối của Người. Chúng ta phải làm cho được điều mà đức Thế Tôn phó thác. Đức Thế Tôn đã để ra rất nhiều tâm huyết để đào tạo tăng thân xuất gia của Người. Đạo Bụt sở dĩ còn có mặt, đó là nhờ giáo đoàn xuất gia chưa bao giờ từng đứt đoạn. Mục đích của sự tâm tu giới bản là để yểm trợ cho người xuất gia tự bảo hộ được tự do của mình, để cho con đường giải thoát đích thực có thể tiếp tục, và để cho Bụt và giáo đoàn nguyên thủy của Người còn được tiếp tục mãi mãi về sau cho thật tốt đẹp.

Đạo Bụt đang được phát triển ở phương Tây. Nếu không có những tăng thân xuất gia vững mạnh và chính thống, thì đạo Bụt ở đây sẽ chỉ có thể có một phong trào nhất thời rồi sẽ tan rã. Nếu không có một tăng đoàn xuất gia tu học vững chãi có gốc rễ sâu sắc nơi giáo lý và hành trì của Bụt thì dù đó là một cuộc cách mạng văn

hóa hay một phong trào văn hóa, nó cũng sẽ bị quét sạch và không để lại những dấu vết gì đáng kể trong xã hội.

Để cho đạo Bụt còn mãi là một truyền thống sinh động, giáo lý và hành trì phải có tính kế cơ. Giới kinh không phải chỉ để cho chúng ta nghiên cứu và giảng thuyết thao thao bất tuyệt mà không đem ra thực hành cho có hiệu quả. Đức Thế Tôn tin cậy nơi sự thông minh, tuệ giác và lòng can đảm của các thế hệ đệ tử tương lai để cho giáo lý và sự thực tập mà Ngài truyền trao được luôn luôn đổi mới, đáp ứng được những nhu cầu của từng thời đại. Vì vậy cho nên công việc tân tu Giới kinh rất là cần thiết.

Theo truyền thống, người thọ giới lớn phải học giới ít nhất là trong năm năm từ ngày thọ giới; trong trường hợp chúng ta, thì phải học cả giới bản cổ truyền và giới bản tân tu. Ta không nên học giới với mục đích trở thành học giả hoặc nhà chuyên môn nghiên cứu, mà phải học để hành trì để tiến bước trên đường tịnh hóa và giải thoát, thấy rằng các giới điều, các uy nghi và các thanh quy là thiết yếu cho sự sống còn của giáo đoàn xuất gia. Học hỏi và thực tập Giới kinh tân tu cùng với cổ truyền, chúng ta sẽ khám phá trở lại được cái đẹp, cái lành và cái thật của nếp sống phạm hạnh.

Người tại gia có cơ hội đọc Giới bản tân tu sẽ có khả năng phân biệt được vị xuất gia nào có hành trì giới luật

nghiêm túc và vị nào không hành trì, do đó sẽ biết yểm trợ cho giáo đoàn xuất gia một cách hữu hiệu.

Chúng tôi xin hồi hướng công đức để tất cả chúng ta có dịp đền ơn Phật tổ và chư vị thánh tăng đã trao truyền giáo pháp màu nhiệm cho các thế hệ tương lai. Chúng tôi tin tưởng rằng giữ cho đạo Bụt được sinh động, lành mạnh, không bị xuống cấp và hư nát, đó là bổn phận của tất cả những người Phật tử chân chính.

Thiền sư Nhất Hạnh và
Hội Đồng Giáo Thọ Đạo Tràng Mai Thôn

Dẫn Nhập

Giới bản tân tu này cần được học hỏi và thực tập song song với giới bản cổ truyền. Điều này được ghi nhận nơi giới thứ một trăm mười của các giới Phát lộ (Ba-dật-đề):

“Vị nam khát sĩ nào sau một năm thọ giới lớn mà chưa bắt đầu học giới bản cổ truyền song song với giới bản tân tu, vị ấy phạm giới Phát lộ.”

Khi học hỏi giới bản cổ truyền ta hiểu được và trân quý giới bản tân tu, và khi học giới bản tân tu ta hiểu được và trân quý giới bản cổ truyền. Truyền thống hành

trì này sẽ giúp cho các thế hệ tương lai còn có đủ cơ duyên để học hỏi về giới bản cổ truyền và thấy được hoàn cảnh xã hội và cách thức sinh hoạt của tăng đoàn nguyên thủy.

Mục đích của giới là để bảo hộ tăng đoàn, giúp cho tăng đoàn đi lên trong sự thực tập và ngăn ngừa sự hủ nát và trụy lạc. Chúng tôi hết lòng cảm tạ chư Phật và các thế hệ Thánh tăng đi trước đã cho chúng tôi tạm đủ nhận thức và can đảm để cố gắng giới bản tân tu này. Chúng tôi rất hân hoan khi thấy giới bản tân tu này được chào đời, vì đây là một hoài vọng mà các thế hệ cha anh chúng tôi đã ôm ấp từ lâu, giờ đây mới thực hiện được.

Đức Thế Tôn thường dạy là phải học hỏi và thực tập giáo pháp của Ngài một cách thông minh, như người bắt rắn phải nắm vững được thủ thuật bắt rắn, nếu không sẽ bị rắn làm hại. Giáo pháp muốn tiếp tục được hữu hiệu trong việc độ đời, phải có tính cách khế lý và khế cơ. Giới bản tân tu này tuy cũng có 250 giới điều như giới bản cổ truyền nhưng đáp ứng được một cách thỏa đáng cho nhu yếu thực tập của người xuất gia trong thời đại hiện tại. Sự thực tập nghiêm chỉnh theo giới bản tân tu sẽ cứu chữa được tình trạng xuống dốc của một số đáng kể những người xuất gia hiện nay. Xin các vị cao đức từ bi soi sáng thêm để cho tính khế lý và khế cơ ấy của giới bản Ba-la-đề-mộc-xoa càng ngày càng thêm vững chãi và sáng tỏ. Mong rằng cứ mỗi hai mươi năm giới bản này lại được tu chỉnh một lần.

Nếu nhận thấy nhu yếu cấp tốc phải tụng và hành trì giới bản tâm tu này thì xin các vị sư trưởng khuyến khích đại chúng làm ngay như thế. Trong thời gian một vài năm, sự tụng đọc và hành trì nghiêm chỉnh giới bản tâm tu chắc chắn sẽ đem lại kết quả: phẩm chất của tăng đoàn sẽ là bằng chứng hùng hồn nhất cho tính hữu hiệu và kế cơ của giới bản ấy.

Hội Đồng Giáo Thọ Đạo Tràng Mai Thôn

Mở Kinh

Nam mô đức Bốn Sư Bụt Thích Ca Mâu Ni

(ba lần) (C)

Giới luật cao siêu màu nhiệm
Cơ duyên may được thọ trì
Xin nguyện đi vào biển tuệ
Tinh thông giáo nghĩa huyền vi. (C)

Khai Thị

Chúng con cúi đầu làm lễ chư Bụt, tôn Pháp và đại Tăng. Giờ phút này chúng con thuyết tụng giới luật để chánh pháp được duy trì lâu dài trên cõi đời này. Giới luật như biển cả, học hỏi và thực tập suốt đời vẫn còn thấy thiết yếu. Giới luật như châu báu, ai cũng muốn tìm cầu không mỏi mệt.

Chính vì muốn bảo vệ gia sản thiêng liêng của Chánh Pháp nên đại chúng đã tập họp để nghe tôi thuyết tụng giới luật hôm nay. Chính vì muốn ngăn ngừa sự vi phạm bốn giới **Rơi rụng**, hai mươi bảy giới **Tăng thân giải cứu**, ba mươi hai giới **Buông bỏ và Phát lộ**, một trăm mười giới **Phát Lộ**, bảy mươi giới **Uy nghi** và bảy phương pháp **Diệt trừ tranh chấp** mà đại chúng đã tập họp để nghe tôi thuyết tụng.

Các đức Bụt Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-xá-phù, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm-mâu-ni, Ca-diếp và Thích-ca-văn đã vì chúng ta chế tác giới pháp này. Chúng ta hãy cung

kính tiếp nhận, học hỏi, bảo hộ và bồi đắp để cho giới pháp càng ngày càng thích ứng với thời cơ mà duy trì được mạng mạch của Chánh Pháp. Giờ đây tôi xin thuyết tụng để đại chúng cùng nghe.

Người bị què chân không thể nào đi được, kẻ phạm giới cũng vậy, không thể nào sinh vào cõi trời và cõi người. Nếu muốn được sinh vào các cõi trời và cõi người để dễ dàng tu học thì phải hành trì giới luật đầy đủ, đừng để vi phạm. Người phạm giới lâm vào tâm trạng lo âu sợ hãi, như khi đi vào con đường hiểm, cỗ xe ngựa sẽ bị mất chốt xe và làm gãy trục xe.

Tụng giới cũng như soi vào tấm gương sáng, đẹp thì mừng, xấu thì lo; giới thể thanh tịnh thì hân hoan, giới thể tổn hại thì ngại ngùng. Tụng giới cũng như chiến tranh giáp trận, có can đảm thì tiến tới, ai run sợ thì bỏ chạy; giới thể thanh tịnh thì an vui, giới thể tổn hại thì lo lắng. Trong một xã hội thực sự dân chủ, dân có địa vị cao nhất; trên mặt đất, biển bao la hơn tất cả mọi sông hồ; trong các Thánh nhân, Bụt là bậc giác ngộ cao tột; trong các luật pháp, Giới kinh là cao quý hơn cả.

Bụt đã chế ra giới bản để chúng ta tụng đọc mỗi nửa tháng một lần. (C)

*
* *
*

Tác Pháp Yết Ma

- + *Vị Yết Ma* : Đại chúng đã tập họp đầy đủ chưa?
- + *Vị Thủ Chúng*: Thưa, đại chúng đã tập họp đầy đủ.
- + *Vị Yết Ma* : Có sự hòa hợp không?
- + *Vị Thủ Chúng*: Thưa, có sự hòa hợp.
- + *Vị Yết Ma* : Những người chưa thọ giới lớn đã ra khỏi nơi này chưa?
- + *Vị Thủ Chúng*: Thưa, những người chưa thọ giới lớn đã ra khỏi nơi này rồi.
- + *Vị Yết Ma* : Có vị nào vắng mặt đã yêu cầu được đại diện và gửi theo sự thanh tịnh không?
- + *Vị Thủ Chúng*: Thưa, không có. *(Trong trường hợp có thì nói: “Có nam khất sĩ _____, vì lý do sức khỏe không đến tụng giới, đã yêu cầu nam khất sĩ _____ đại diện và gửi theo sự thanh tịnh”)*

- + *Vị Yết Ma* : Có đại diện của đại chúng nữ khất sĩ được gửi tới hôm nay không?
- + *Vị Thủ Chúng*: (Có thì đáp: “*Dạ thưa có*”, và đọc tên vị nữ khất sĩ. Không thì đáp: “*Dạ thưa không*”.)
- + *Vị Yết Ma* : Đại chúng hôm nay tập hợp có chủ đích gì?
- + *Vị Thủ Chúng*: Thưa, đại chúng hôm nay tập hợp để thực hiện yết ma tụng giới lớn.
- + *Vị Yết Ma* : Xin đại chúng các vị nam khất sĩ lắng nghe! Hôm nay ngày _____, ngày thuyết tụng giới luật, chúng ta đã tập hợp đúng giờ giấc, đại chúng đồng ý sẵn sàng nghe thuyết tụng giới luật trong tinh thần hòa hợp, như vậy việc tụng giới là hợp pháp. Bạch như thế, thì phép tác bạch có thành hay không?

(Đại chúng đáp : Thành) (C)

*
* * *

Các vị đại đức, tôi sắp tuyên đọc giới bản nam khất sĩ. Xin quý vị lắng nghe và thẩm định kỹ càng. Nếu vị nào tự biết là mình phạm giới thì nên sám hối, nếu không phạm giới thì im lặng, và khi quý vị đại đức giữ sự im lặng thì có nghĩa là giới thể của quý vị đại đức thanh tịnh. Nếu sau này có người hỏi, các vị đại đức cũng sẽ đáp như vậy. Trong buổi tụng giới này, nếu có phạm giới mà được hỏi ba lần cũng không lên tiếng, thì vị đại đức ấy đã phạm vào giới cố tình nói dối. Theo lời Bụt dạy, cố tình nói dối là một chướng ngại cho con đường thực hiện thánh quả. Nếu thấy và biết mình có phạm giới và muốn cho giới thể thanh tịnh trở lại, vị nam khất sĩ phải thực hiện pháp sám hối, sám hối xong thì sẽ được an lạc trở lại.

Các vị đại đức nam khất sĩ, tôi đã đọc xong phần vào đề của Giới kinh.

Nay xin hỏi: Các vị đại đức trong đại chúng đây có sự thanh tịnh không? (*ba lần*)

Các vị đại đức đã im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có sự thanh tịnh. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*
* *

Tụng Giới

Giới Rơi rụng (Ba-la-di)

Các vị đại đức! Đây là bốn giới cực trọng, gọi là **Rơi rụng (Ba-la-di)**, mỗi nửa tháng tụng một lần.

Giới thứ nhất:

Vị nam khất sĩ nào làm việc dâm dục, dù với người nữ hay người nam, dù có hay không có sự đồng ý của người này, vị ấy phạm vào giới thứ nhất của bốn giới **Rơi rụng**, không còn xứng đáng là một nam khất sĩ, và không còn được tham dự vào sinh hoạt của Tăng đoàn nam khất sĩ.

Giới thứ hai:

Vị nam khất sĩ nào xâm phạm vào tài sản của công hay của tư, một sự xâm phạm có thể đưa vị nam khất sĩ này ra tòa để xét xử, vị ấy phạm vào giới thứ hai của bốn giới **Rơi rụng**, không còn xứng đáng là một nam khất sĩ, và không còn được tham dự vào sinh hoạt của Tăng đoàn nam khất sĩ.

Giới thứ ba:

Vị nam khất sĩ nào xâm phạm đến mạng sống của người, bằng hành động, lời nói hay ý định của mình, vi ấy phạm vào giới thứ ba của bốn giới **Rơi rụng**, không còn xứng đáng là một nam khất sĩ, và không còn được tham dự vào sinh hoạt của Tăng đoàn nam khất sĩ.

Giới thứ tư:

Vị nam khất sĩ nào không có chứng đắc mà tuyên bố rằng mình có chứng đắc, vi ấy phạm vào giới thứ tư của bốn giới **Rơi rụng**, không còn xứng đáng là một nam khất sĩ, và không còn được tham dự vào sinh hoạt của Tăng đoàn nam khất sĩ.

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong bốn giới **Rơi rụng**, nghĩa là bốn giới mà sự vi phạm chúng tỏ sự thất bại của một nam khất sĩ. Vị nam khất sĩ nào phạm một trong bốn giới ấy sẽ không còn được ở chung với Tăng đoàn nam khất sĩ.

Nay tôi xin hỏi các vị đại đức: Đối với bốn giới ấy trong đại chúng có sự thanh tịnh không? (*ba lần*)

Các vị đại đức đã im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có sự thanh tịnh. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*
* *

Giới Tăng thân giải cứu (Tăng-già-bà-thi-sa)

Các vị đại đức! Đây là hai mươi bảy giới **Tăng thân giải cứu (Tăng-già-bà-thi-sa)**, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- 1- Vị nam khất sĩ nào có chủ ý dâm dục mà đụng chạm vào thân thể người khác, dù người nữ hay người nam, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 2- Vị nam khất sĩ nào có chủ ý dâm dục mà dùng những lời có tác dụng khích động dâm tính nói với người nữ hoặc nói với người nam, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 3- Vị nam khất sĩ nào có chủ ý dâm dục mà nói với người nữ hoặc người nam nên hiển tạng sự dâm dục cho mình, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 4- Vị nam khất sĩ nào ngỏ lời hay viết thư đề nghị một vị xuất gia ra đời với mình, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.

- 5- Vị nam khất sĩ nào làm việc mai mối hay chủ hôn cho hai người đồng phái hoặc khác phái, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 6- Vị nam khất sĩ nào vì giận hờn, ganh ghét mà vu cáo một vị nam khất sĩ khác về tội Rơi rụng, cố ý làm hư hoại thanh danh của vị kia, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 7- Vị nam khất sĩ nào vì giận hờn, ganh ghét mà lấy một lỗi nhỏ của một vị nam khất sĩ khác để phóng đại ra thành tội Rơi rụng, cố ý làm hư hoại thanh danh của vị kia, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 8- Vị nam khất sĩ nào dựa vào thế lực chính quyền để hiếp đáp, dọa nạt những phần tử khác trong tăng chúng, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 9- Vị nam khất sĩ nào trở thành thành viên của một đảng phái hay một tổ chức chính trị, hoặc bí mật hoặc công khai, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 10- Vị nam khất sĩ nào làm do thám và lấy tin tức của tăng thân cung cấp cho một đảng phái hoặc một tổ chức chính trị, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 11- Vị nam khất sĩ nào hưởng lương bổng của chính quyền hay của một đảng phái hoặc một tổ chức

chính trị, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.

- 12- Vị nam khất sĩ nào không chịu giáo huấn đồ chúng mà cũng không cho các vị ấy đi nơi khác để tham học kinh điển và các pháp môn tu tập, cứ để các vị đó yếu kém về giáo lý và tu tập một cách mù mờ, sai lệch, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 13- Vị nam khất sĩ nào chỉ mới nghe nói hoặc đọc sơ qua về những pháp môn thuộc một tông phái hay một truyền thống khác, chưa có cơ hội thực sự học hỏi và thể nghiệm các pháp môn đó mà đã lên tiếng hoặc viết báo để bài xích, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 14- Vị nam khất sĩ nào nói ra lời phủ nhận công ơn cha mẹ, thầy tổ, bè bạn và đàn na thí chủ, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 15- Vị nam khất sĩ nào ly khai tăng thân, đứng ra lập am cốc hoặc chùa một mình mà không có phép của tăng thân, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 16- Vị nam khất sĩ nào xây am cốc hoặc chùa cho mình mà không hỏi ý kiến của tăng thân về địa điểm và cách thức, xây dựng quá kích thước cần sử dụng và có tính cách gây chướng ngại cho kẻ khác hay cho sự lưu thông, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.

- 17- Vị nam khất sĩ nào vì việc dựng chùa hay am cốc mà vướng vào một vụ tranh chấp đất đai và ra tòa kiện tụng, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 18- Vị nam khất sĩ nào biến sự thực tập hộ niệm thành nghề cúng bái, đưa ra giá cả cần phải trả cho một buổi lễ hoặc một đám tang, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 19- Vị nam khất sĩ nào lấy tiền nuôi chúng để xây dựng cơ sở, trong khi tăng chúng áo quần rách rưới, ăn uống thiếu thốn, thuốc men không có, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 20- Vị nam khất sĩ nào sống cầu thả bê bối làm tổn hoại tín tâm người cư sĩ đối với Tam bảo, được can ngăn tới ba lần mà vẫn không nghe, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 21- Vị nam khất sĩ nào để hết thời giờ và công sức mình theo đuổi công việc tổ chức và điều hành, mà quên rằng mục đích của người xuất gia là tu tập để giải thoát và độ đời, được nhắc nhở tới ba lần mà vẫn không thay đổi, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.

- 22- Vị nam khất sĩ nào dùng ngôn từ và hành động có tác dụng phá hoại sự hòa hợp của một đoàn thể tăng chúng, được can ngăn tới ba lần mà vẫn không nghe, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 23- Vị nam khất sĩ nào tạo ra thế tranh chấp trong tăng thân, làm cho năng lượng tu học của tăng thân đi xuống, được can ngăn tới ba lần mà vẫn không nghe, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 24- Vị nam khất sĩ nào đóng góp vào việc lập phe đảng, gây ra sự rạn nứt và chia rẽ của tăng đoàn, được can ngăn tới ba lần mà vẫn không nghe, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 25- Vị nam khất sĩ nào vì lý do bất mãn, dựa vào thế lực của chính quyền để gây ra sự rạn nứt trong tăng đoàn, hoặc không có phép tăng sai mà ly khai tăng đoàn, rồi quyến rũ những thành phần của tăng đoàn ra thành lập một tăng đoàn mới, được can ngăn tới ba lần mà vẫn không nghe, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.
- 26- Vị nam khất sĩ nào ngoan cố, từ chối không nghe lời khuyên nhủ và giáo giới của các vị nam khất sĩ khác về kinh, luật, luận và sự tu tập mà nói rằng quý vị đừng quấy rầy tôi nữa, hãy để cho tôi yên, được can ngăn tới ba lần mà vẫn không nghe, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.

27- Vị nam khất sĩ nào thuyết giảng hay hướng dẫn tu tập sai lệch với giáo lý và tinh thần chuyển hóa và trị liệu của đạo Phật, được các vị nam khất sĩ khác nhắc nhở tới ba lần mà vẫn không chịu lắng nghe và sửa đổi, vị ấy phạm giới Tăng thân giải cứu.

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong hai mươi bảy giới **Tăng thân giải cứu**, mười chín giới trước vừa phạm là đã thành tội, tám giới sau chỉ thành tội sau ba lần can ngăn mà không có hiệu quả. Vị nam khất sĩ nào phạm vào một trong hai mươi bảy giới ấy mà cố tình che giấu thì sẽ bị khép vào kỷ luật biệt trú trong một thời gian tương đương với thời gian che giấu ấy, sau đó mới được thực tập sáu ngày Làm mới trước khi làm lễ Giải tội.

Nay xin hỏi các vị đại đức: Đối với hai mươi bảy giới **Tăng thân giải cứu** ấy trong đại chúng có sự thanh tịnh không? (ba lần)

Các vị đại đức im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có sự thanh tịnh. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*

* *

Giới Buông bỏ và Phát lộ (Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề)

Các vị đại đức! Đây là ba mươi hai giới **Buông bỏ và Phát lộ (Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề)**, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- 1- Vị nam khất sĩ nào cất giữ và sử dụng thuốc hút hoặc các chất ma túy khác, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 2- Vị nam khất sĩ nào cất giữ và buôn bán sách tiểu thuyết, kiếm hiệp hoặc sách bói tử vi, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 3- Vị nam khất sĩ nào cất giữ những sản phẩm độc hại như phim truyện, băng hình, nhạc và trò chơi điện tử của thế tục, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 4- Vị nam khất sĩ nào cất giữ máy vô tuyến truyền hình, video, máy hát karaoke, máy chơi điện tử và các thứ máy móc khác dùng để tiêu thụ phim, nhạc và trò chơi điện tử của thế tục, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.

- 5- Vị nam khất sĩ nào có địa chỉ điện thư (e-mail) riêng, trừ khi có phép của tăng thân, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 6- Vị nam khất sĩ nào có xe hơi riêng, hoặc sử dụng những loại xe hay điện thoại đắt tiền, màu sắc sặc sỡ, bóng loáng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 7- Vị nam khất sĩ nào nghĩ rằng tiền bạc và của cải có thể đảm bảo cho sự an ninh của mình mà tìm cách tích lũy, để cho tiền bạc và của cải làm trở ngại đường tu của mình, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 8- Vị nam khất sĩ nào đứng tên mở trương mục ngân hàng riêng, trừ trường hợp được tăng thân cho đi du học nước ngoài, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 9- Vị nam khất sĩ nào không phải do tăng sai mà một mình đứng tên quản lý tài sản của một tự viện hay của một tổ chức từ thiện, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 10- Vị nam khất sĩ nào sử dụng ngân sách của tự viện hay ngân sách của tổ chức từ thiện để nuôi dưỡng người thân mà không có sự đồng ý của các vị khác trong tự viện hay trong tổ chức từ thiện, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.

- 11- Vị nam khất sĩ nào gửi tiền đầu tư; cho vay; hùn vốn kinh doanh; buôn bán chứng khoán, nhà cửa, đất đai; chơi hụi, chơi xổ số hoặc số đề, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 12- Vị nam khất sĩ nào sử dụng các loại chuỗi hoặc tràng hạt bằng ngọc đá tiền, màu sắc sặc sỡ giống những thứ trang sức của người thế gian; hoặc đeo các thứ vàng bạc, đá quý dù đó là vật kỷ niệm của người thân; hoặc trồng hay bịt răng bằng vàng bạc, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 13- Vị nam khất sĩ nào mua sắm và tàng trữ những món đồ cổ đắt tiền, nâng niu giữ gìn như tài sản quý báu, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 14- Vị nam khất sĩ nào chất chứa quá nhiều sách vở dù là kinh sách Phật học, một mình vướng mắc bo bo cất giữ, không dám cho người khác mượn, cũng không chịu ký thác vào thư viện chung của chúng tăng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 15- Vị nam khất sĩ nào chứa nhiều vải dư mà không đem ra chúng tăng sử dụng hay san sẻ cho người thiếu thốn, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.

- 16- Vị nam khất sĩ nào có trên ba chiếc y lễ phục (an-đà-hội, uất-đa-la-tăng, tăng-già-lê), có trên ba chiếc y giáo phục (áo tràng hay nhật bình), có trên ba bộ y thường phục (vạt hò), mà không chịu gửi lại chúng tăng cất giữ cho các bạn đồng tu đến sau (trừ y phục lao động, đồ lót bên trong và áo ấm cần thiết cho xứ lạnh), vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 17- Vị nam khất sĩ nào sử dụng những loại pháp phục làm bằng các loại vải mỏng đánh, bóng loáng, trơn mượt, sặc sỡ, gắn kim tuyến hạt cườm lấp lánh, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 18- Vị nam khất sĩ nào chế ra những kiểu quần áo theo thời trang của thế tục hay bắt chước ăn mặc theo kiểu dáng của kẻ giàu sang quyền quý, đánh mất nếp sống đơn giản của người tu hạnh viển ly giải thoát, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 19- Vị nam khất sĩ nào mua sắm những vật dụng cá nhân thuộc loại thượng hạng, sang trọng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 20- Vị nam khất sĩ nào cất giữ và sử dụng những loại giày dép sang trọng, hoặc kiểu dáng thời trang, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.

- 21- Vị nam khất sĩ nào chất chứa nhiều dầu gội, bột giặt, kem đánh răng, khăn, bàn chải... mà không chịu đem ra chia sẻ với chúng tăng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 22- Vị nam khất sĩ nào vào y viện chữa trị mà nằm phòng bệnh riêng loại sang trọng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 23- Vị nam khất sĩ nào nằm giường nệm sang trọng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 24- Vị nam khất sĩ nào trang trí phòng ốc của mình sang trọng và đầy dẫy tiện nghi như nhà thế tục, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 25- Vị nam khất sĩ nào chất chứa nhiều thức ăn, thức uống trong rương tủ mà không chịu đem ra cho đại chúng dùng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 26- Vị nam khất sĩ nào đến với người thế tục hoặc bà con để quyên góp tài vật làm của riêng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 27- Vị nam khất sĩ nào sử dụng tài vật không đúng với ý nguyện của người dâng cúng mà không báo lại cho vị đó biết, khiến vị đó buồn khổ, giận hờn, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.

- 28- Vị nam khất sĩ nào chỉ ham thích việc buôn bán, trồng trọt... dù là để tạo tài chính cho tự viện mà bỏ phước các thời khóa tu học cùng đại chúng, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 29- Vị nam khất sĩ nào nuôi súc vật và chim muông với mục đích tiêu khiển hoặc bán cho người khác để kiếm tiền, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 30- Vị nam khất sĩ nào cất giữ đồ vật của chúng tăng để sử dụng riêng hoặc đem cho người khác mà không xin phép, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 31- Vị nam khất sĩ nào sử dụng tài vật của thường trụ trái với ý nguyện của chúng tăng, khiến chúng tăng không vui và đánh mất sự hòa hợp, vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.
- 32- Vị nam khất sĩ nào sử dụng tài vật của chúng tăng một cách phung phí như tiền bạc, nước, điện, điện thoại, xe hơi..., vị ấy phạm giới Buông bỏ và Phát lộ.

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong ba mươi hai giới **Buông bỏ và Phát lộ**. Vị nam khất sĩ nào phạm vào một trong ba mươi hai giới ấy thì phải hướng về tăng thân, hoặc trước ba vị, hoặc hai vị nam khất sĩ đại diện cho tăng thân để buông bỏ và trao trả tiền bạc hay phẩm vật mình đang cất giữ rồi phát lộ sám hối.

Nay xin hỏi các vị đại đức: Đối với ba mươi hai giới **Buông bỏ và Phát lộ** ấy trong đại chúng có sự thanh tịnh không? (*ba lần*)

Các vị đại đức im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có sự thanh tịnh. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*
* * *

Giới Phát lộ (Ba-dật-đề)

Các vị đại đức! Đây là một trăm mười giới **Phát lộ (Ba-dật-đề)**, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- 1- Vị nam khất sĩ nào làm việc thủ dâm, trừ trong giấc chiêm bao, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 2- Vị nam khất sĩ nào hẹn hò đi chơi với một người nữ thế tục hoặc nữ xuất gia, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 3- Vị nam khất sĩ nào một mình cùng với một người nữ thế tục hoặc nữ xuất gia ngồi chỗ khuất, vắng vẻ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 4- Vị nam khất sĩ nào một mình ngồi trên xe hoặc trên thuyền với một người nữ thế tục hoặc nữ xuất gia, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc tặng sai, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 5- Vị nam khất sĩ nào viết thư hay tặng quà kỷ niệm cho một người nữ thế tục hoặc nữ xuất gia để biểu lộ và chinh phục tình cảm, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 6- Vị nam khất sĩ nào từ khước sự giúp đỡ của các bạn đồng tu mà lại để người nữ thế tục hoặc nữ xuất gia chăm sóc và nuôi bệnh, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 7- Vị nam khất sĩ nào gọi điện thoại cho người khác phái vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp và có báo cho các bạn đồng tu biết, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 8- Vị nam khất sĩ nào được tới bốn vị nam khất sĩ trở lên nhắc nhở là đang bị vướng mắc tình cảm với một vị khác mà không lắng nghe lại còn chối quanh, tìm cách phủ nhận hoặc tỏ ý giận dữ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 9- Vị nam khất sĩ nào cố ý nhìn súc vật giao hợp, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 10- Vị nam khất sĩ nào trong khi chuyện trò kể lại những chuyện dâm dục từ phim ảnh, sách báo hay do người khác kể lại..., vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 11- Vị nam khất sĩ nào biết người nam kia có bệnh nan y truyền nhiễm, hoặc trốn nợ thuế, hoặc phạm tội hình sự, hoặc không được vợ con đồng ý mà vẫn cho người đó xuất gia, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 12- Vị nam khất sĩ nào biết người nam kia chưa đủ hai mươi tuổi, hoặc biết đại chúng không chấp thuận mà vẫn cho người đó thọ giới lớn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 13- Vị nam khất sĩ nào sau tám tháng mà vẫn chưa đổi người cư trú cùng phòng, trừ khi có sự đồng ý của tăng thân, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 14- Vị nam khất sĩ nào vì sân hận, bực tức mà đánh người khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 15- Vị nam khất sĩ nào vì chút việc nhỏ tranh cãi mà thề thốt sẽ đọa vào ba đường ác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 16- Vị nam khất sĩ nào bắt buộc người khác phải thề thốt, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 17- Vị nam khất sĩ nào nói sai sự thật, thêm bớt, hoặc nói lời thô tục, mắng nhiếc, hoặc nói những lời có tác dụng gây chia rẽ và căm thù, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 18- Vị nam khất sĩ nào khi đang nổi giận và lớn tiếng tranh cãi, được một vị nam khất sĩ khác nhỏ nhẹ khuyên răn là hãy trở về im lặng theo dõi hơi thở, hoặc đi thiền hành để bảo hộ tâm ý mà vẫn không nghe, cứ tiếp tục lớn tiếng tranh cãi, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 19- Vị nam khất sĩ nào được bạn đồng tu chỉ bảo cho mình chỗ sơ sót trong sự hành trì tu tập, đã không biết chấp tay tạ ơn, mà lại tìm cách bào chữa loanh quanh hoặc so sánh phân bì với những người khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 20- Vị nam khất sĩ nào cứ nói gần nói xa, nói bóng nói gió để nhắc lại những lỗi lầm trong quá khứ của một vị nam khất sĩ khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 21- Vị nam khất sĩ nào nhắc lại lỗi lầm trong quá khứ của một vị nam khất sĩ khác khi tăng đã làm Yết ma Xả tội rồi, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 22- Vị nam khất sĩ nào vấn nạn hay la rầy các vị khác trong tăng chúng trước mặt các vị cư sĩ hay giữa bữa ăn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 23- Vị nam khất sĩ nào dọa nạt, hù nhát một vị nam khất sĩ khác để vị này sợ hãi hoặc thối chí, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 24- Vị nam khất sĩ nào được mời đến để giải quyết sự hiềm giận với một vị khác nhưng liên tiếp nhiều lần tìm cách lẩn tránh không chịu đến, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 25- Vị nam khất sĩ nào từ chối không nhận sự hối lỗi của người khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 26- Vị nam khất sĩ nào để sự giận hờn kéo dài đến bảy ngày mà vẫn chưa chịu thực tập hòa giải làm mới, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 27- Vị nam khất sĩ nào cú bút chiến hoặc tranh chấp ngôn luận với các chủ thuyết và các tôn giáo khác mà không để thì giờ tu học, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 28- Vị nam khất sĩ nào vì có hiềm hận với các bạn đồng tu, không chịu nương vào năng lực tăng thân để tìm cách hòa giải mà bỏ chùa đi nơi khác, hoặc bỏ về gia đình ở một thời gian rồi trở lại, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 29- Vị nam khất sĩ nào không cố gắng thực tập tái lập truyền thông với các bạn đồng tu mà chỉ đi than phiền với người cư sĩ về những khó khăn và mâu thuẫn trong chúng, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 30- Vị nam khất sĩ nào không sử dụng các phép ái ngữ và lắng nghe để giải quyết những khó khăn và tranh chấp của mình với một vị nam xuất gia khác, mà chỉ đi than phiền và tìm đồng minh nơi một người thứ ba, thứ tư, thứ năm..., vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 31- Vị nam khất sĩ nào được nghe những lời than trách về những khó khăn và tranh chấp của một vị nam xuất gia đối với một vị nam xuất gia khác mà không tìm cách giúp sức đem tới sự hòa giải, trái lại đi liên minh với vị này để chống lại vị kia, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 32- Vị nam khất sĩ nào đến ở một tự viện khác mà đem những khuyết điểm, yếu kém nơi tự viện cũ ra kể với tính cách than phiền và chê trách, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 33- Vị nam khất sĩ nào tự cho mình là văn minh tiến bộ mà chê trách thầy tổ quê hèn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 34- Vị nam khất sĩ nào được biết đại chúng sẽ ngồi lại với nhau để thực hiện pháp yết ma mà tìm cách trốn tránh bỏ đi, hoặc giả bệnh mà không nhờ người khác đại diện gửi theo sự thanh tịnh (gửi dục), vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 35- Vị nam khất sĩ nào đã cùng đại chúng làm pháp yết ma rồi mà trong lòng còn bức bối khó chịu, đi nói với người khác rằng mình chống lại pháp yết ma đã thành tựu, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 36- Vị nam khất sĩ nào đã nhờ người khác đại diện gửi theo sự thanh tịnh (gửi dục), nhưng sau đó lại đổi ý và tìm cách phủ nhận yết ma đã thành tựu, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 37- Vị nam khất sĩ nào không thực hiện hoặc khuyến khích người khác không thực hiện những điều mà tăng đã yết ma, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 38- Vị nam khất sĩ nào biết một vị nam khất sĩ hoặc nữ khất sĩ phạm giới trọng mà đi nói với người chưa thọ giới lớn với mục đích làm cho hư hoại danh phận vị đó trong khi tăng chưa làm pháp Yết ma Định tội, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 39- Vị nam khất sĩ nào nói dối một vị nam xuất gia khác lúc vị này vắng mặt, trừ trường hợp đang thực tập soi sáng, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 40- Vị nam khất sĩ nào thấy bạn đồng tu xuất gia bị bệnh mà không hỏi han chăm sóc hay nhờ người chăm sóc, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 41- Vị nam khất sĩ nào được tặng cử chia đồ vật cho chúng mà lại thiên vị thêm bớt hoặc không chia cho vị mà mình đang có hiềm giận, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 42- Vị nam khất sĩ nào trốn tránh thực tại khổ đau, nhắm mắt trước khổ đau và đánh mất ý thức về khổ đau của cuộc sống, chỉ lo an dưỡng trong sự kính ngưỡng, cúng dường của đàn na, quên mất mục đích của sự tu tập là chuyển hóa khổ đau trở thành an lạc, được ba vị nam khất sĩ khác khuyến cáo mà vẫn không thay đổi, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 43- Vị nam khất sĩ nào thấy bạn đồng tu xuất gia sắp phạm giới luật mà không lên tiếng can ngăn hay báo cho các vị nam khất sĩ khác biết để can ngăn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 44- Vị nam khất sĩ nào có thái độ hẹp hòi và cố chấp, tự cho kiến thức mình đang có là những chân lý bất di bất dịch mà không chịu cởi mở, đón nhận quan điểm và tuệ giác của người khác, sau khi được ba vị nam khất sĩ khác cảnh cáo mà không chịu buông bỏ thái độ, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 45- Vị nam khất sĩ nào dùng uy quyền, sự mua chuộc, sự dọa nạt, sự tuyên truyền và giáo dục nhồi sọ để cưỡng bức kẻ khác, kể cả trẻ em, vâng theo quan điểm của mình mà không tôn trọng sự khác biệt và tự do nhận thức của họ, sau khi được ba vị nam khất sĩ khác cảnh cáo mà không chịu buông bỏ thái độ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 46- Vị nam khất sĩ nào có thân thuộc họ hàng xuất gia mà lấy quyền lực mình để bao che những việc làm sai trái của những vị đó, hoặc tìm cách giành quyền ưu tiên cho họ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 47- Vị nam khất sĩ nào dựa vào quyền hạn hay chức vụ của mình mà lấn lướt và giành vị trí phía trước một vị nam khất sĩ khác có tuổi đạo lớn hơn mình, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 48- Vị nam khất sĩ nào dùng quyền lực buộc một vị nam khất sĩ khác phải đứng về phía mình để chống lại yết ma, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 49- Vị nam khất sĩ nào vướng mắc vào các danh vị giáo phẩm hay giới phẩm, khi có người xưng hô không đúng danh vị của mình thì sanh lòng hờn giận, bực tức hoặc yêu cầu người kia phải chỉnh sửa lại, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 50- Vị nam khất sĩ nào chỉ chăm sóc đặc biệt đệ tử xuất gia của mình, bỏ bê những vị khác đã đến y chỉ nơi mình, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 51- Vị nam khất sĩ nào khuyến dụ một vị nam xuất gia khác đứng về phía mình để tăng thêm thế lực mà chống đối hoặc lấn lướt bạn đồng tu, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 52- Vị nam khất sĩ nào khuyến dụ một vị nam xuất gia khác bỏ thầy tổ đi cất am cốc riêng hay đến ở tự viện khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 53- Vị nam khất sĩ nào nói những lời đường mật hoặc than khóc để được người khác thương cảm, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 54- Vị nam khất sĩ nào vì mưu cầu tài lợi và sự kính phục mà loan truyền những tin không biết chắc là có thật, phê bình và lên án những gì không biết rõ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 55- Vị nam khất sĩ nào vì tài lợi mà bênh vực người thế tục và xử ép các vị xuất gia khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 56- Vị nam khất sĩ nào thu nhận đệ tử không với mục đích giáo dưỡng họ trên đường tu học mà chỉ để phục vụ cho sự nghiệp danh lợi riêng mình, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 57- Vị nam khất sĩ nào bắt tăng chúng phải làm lụng buôn bán, trồng trọt, cúng bái... để phát triển tài chánh, không cho họ đủ thì giờ tu học, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 58- Vị nam khất sĩ nào giả bệnh nặng để được tín chủ chăm sóc và cúng dường tài vật, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 59- Vị nam khất sĩ nào lợi dụng các tổ chức từ thiện để quyên góp thêm tài vật cho cá nhân hay tự viện của mình, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 60- Vị nam khất sĩ nào mở lời chê bai phẩm vật của tín thí dâng cúng, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 61- Vị nam khất sĩ nào nhận tài vật của tín thí mà không tu tập nghiêm chỉnh, nói rằng bốn phạm người cư sĩ là phải cúng dường cho mình, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 62- Vị nam khất sĩ nào đến tự viện của các vị nữ khất sĩ than phiền túng thiếu với chủ ý được cúng dường, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 63- Vị nam khất sĩ nào có khuynh hướng kỳ thị, chỉ tiếp chuyện người giàu sang và trí thức, còn người nghèo khổ và ít học thì không quan tâm tới, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 64- Vị nam khất sĩ nào chiếm hữu hoặc bảo người chiếm hữu hoặc thấy người chiếm hữu tài vật của người khác mà không tìm cách can ngăn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 65- Vị nam khất sĩ nào thất hứa với người thế tục, làm cho người ta hờn giận và chê trách tăng thân, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 66- Vị nam khất sĩ nào lánh công việc nặng tìm công việc nhẹ, trừ trường hợp bệnh tật yếu đuối, vị ấy phạm giới Pháp lộ.
- 67- Vị nam khất sĩ nào đánh giá người khác qua công việc mà không biết rằng phẩm chất tu học của người tu là quan trọng hơn số lượng công tác người ấy có thể làm, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 68- Vị nam khất sĩ nào không ý thức rằng bổn phận người xuất gia là phải cố gắng những phương pháp thực tập chuyển hóa đau khổ mà chỉ chú tâm vào các công tác từ thiện, rồi bắt tăng chúng làm việc cực nhọc, bỏ phước giờ giấc tu học, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 69- Vị nam khất sĩ nào đi làm thuê làm mướn để kiếm tiền riêng, trong khi tự viện vẫn đủ sức nuôi mình ăn học đàng hoàng, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 70- Vị nam khất sĩ nào xem quẻ, bói tướng hoặc cúng sao, giải hạn, đốt giấy tiền vàng bạc... để sinh sống, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 71- Vị nam khất sĩ nào ăn mặn, dù lấy có thiếu dinh dưỡng, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 72- Vị nam khất sĩ nào bỏ phước thời khóa tu học cùng đại chúng để chế biến những món ăn cầu kỳ, đắt tiền, sang trọng mà không nhớ mình đang tu hạnh thanh bần của người khất sĩ và không nghĩ đến biết bao nhiêu người đang đói khổ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 73- Vị nam khất sĩ nào không ăn cùng đại chúng mà lại ăn riêng trong phòng, trừ khi có bệnh hoặc vì công việc do tăng sai, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 74- Vị nam khất sĩ nào uống bia, rượu nho, rượu đế... hay bất cứ thức uống nào có tác dụng gây ra sự say sưa, trừ trường hợp có bệnh và có phép của chúng tăng, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 75- Vị nam khất sĩ nào vào ngôi quán rượu hoặc quán cà phê đèn mờ để giải khát hoặc để ngồi chơi ngắm người qua lại, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 76- Vị nam khất sĩ nào đến nhà cư sĩ hoặc nhà hàng để dự lễ sinh nhật, tiệc cưới hỏi, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 77- Vị nam khất sĩ nào tổ chức lễ sinh nhật của mình ở nhà cư sĩ hoặc nhà hàng, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 78- Vị nam khất sĩ nào đi xem bóng đá, xi-nê hoặc nhạc hội thế gian, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 79- Vị nam khất sĩ nào thuê và xem những cuốn phim, những đĩa hình hoặc những sách báo có tác dụng độc hại và tưới tẩm những hạt giống tham dục, sợ hãi, bạo động và ủy mị sầu đau, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 80- Vị nam khất sĩ nào xem những chương trình vô tuyến truyền hình có tác dụng độc hại và tưới tẩm những hạt giống tham dục, sợ hãi, bạo động và ủy mị sầu đau, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 81- Vị nam khất sĩ nào đi lên mạng lưới Internet một mình mà không có một vị nam xuất gia khác ở bên cạnh để giúp bảo hộ mình khỏi lạc vào những chương trình độc hại, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 82- Vị nam khất sĩ nào sử dụng và tiêu thụ các hình ảnh hoặc những âm thanh kích động dâm dục trên mạng lưới Internet hay trong điện thoại, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 83- Vị nam khất sĩ nào nghe hoặc trình diễn những bài hát tình sầu đứt ruột, lãng mạn và kích động, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 84- Vị nam khất sĩ nào chơi trò chơi điện tử, dù bằng điện thoại di động hoặc máy vi tính, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 85- Vị nam khất sĩ nào đánh bạc hay cá độ bóng đá, đua ngựa, đua xe..., vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 86- Vị nam khất sĩ nào chạy xe lạng lách, phóng nhanh, vượt ẩu hay đua xe, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 87- Vị nam khất sĩ nào xuống đường phố vỗ tay, la hét, tung cò, rải hoa, diễn hành... để ủng hộ một đội bóng đá hay một đội thể thao khác, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 88- Vị nam khất sĩ nào đi xem quân đội lập trận chiến đấu, tập dợt hoặc đứng xem một đám đông cãi vã, đánh nhau hoặc múa võ, làm trò ảo thuật, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 89- Vị nam khất sĩ nào đi xem hoặc thúc giục loài vật giao đấu, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 90- Vị nam khất sĩ nào đánh đập loài vật hoặc lấy xương, sừng hay da để sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật, hoặc để trang trí phòng ốc, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 91- Vị nam khất sĩ nào không học hạnh đại bi để bảo vệ sự sống của các loài động vật, tự mình giết hại, hoặc tán thành sự giết hại, hoặc để cho kẻ khác giết hại mà không tìm cách can ngăn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 92- Vị nam khất sĩ nào gây ô nhiễm sinh môi như đốt phá cây rừng, sử dụng chất độc hóa học..., vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 93- Vị nam khất sĩ nào cố tình để râu tóc dài, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 94- Vị nam khất sĩ nào không ý thức được rằng cái đẹp của người tu được làm bằng chất liệu của sự vững chãi và thanh thoi, lại để nhiều thời gian lo trau chuốt, chưng diện, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 95- Vị nam khất sĩ nào khi đi vào thành phố, thôn làng hoặc chợ búa mà mặc quần áo thế gian, hoặc đội đầu tóc giả, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 96- Vị nam khất sĩ nào tách rời tăng thân mà đi mượn nhà ở trọ, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 97- Vị nam khất sĩ nào đến nhà cư sĩ ngủ lại, dù công việc do tăng cử đi, mà không có ít nhất một bạn đồng tu đi theo, trừ trường hợp đặc biệt có phép của tăng thân, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 98- Vị nam khất sĩ nào ở quá một tuần nơi nhà cư sĩ, trừ trường hợp tăng thân cho phép, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 99- Vị nam khất sĩ nào kết nghĩa cha, mẹ, anh, chị, em và con cháu với người thế tục, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 100- Vị nam khất sĩ nào đi học các môn thế học với mục đích để có bằng cấp như kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ..., trừ môn Phật học, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 101- Vị nam khất sĩ nào chỉ chuyên đi học các môn thế học mà bỏ học giáo lý và các pháp môn tu tập, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 102- Vị nam khất sĩ nào tìm sự trú ẩn và lãng quên trong công việc mà đánh mất liên lạc tốt giữa mình và các thành phần khác trong tăng thân, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 103- Vị nam khất sĩ nào rời thầy y chỉ trước mùa an cư thứ năm, hoặc khi đã đủ năm mùa an cư mà sự thực tập vẫn còn yếu kém, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 104- Vị nam khất sĩ nào trong một năm mà không an cư ba tháng, vị ấy phạm giới Phát lộ.

- 105- Vị nam khất sĩ nào đã được kiết giới an cư rồi mà vẫn đi ra ngoài đại giới, số lượng ngày đi ra bằng hoặc hơn số lượng ngày ở trong đại giới, dù có công tác giảng dạy, từ thiện, học hành..., vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 106- Vị nam khất sĩ nào chưa đủ mười tuổi hạ mà đi truyền giới lớn, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 107- Vị nam khất sĩ nào không nắm vững luật nghi nên tác pháp yết ma hay cử tội không đúng pháp, khiến cho chúng tăng không an vui, mất hòa hợp, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 108- Vị nam khất sĩ nào mở lời chê trách điều giới và uy nghi, cho rằng các điều mục này phiền toái, rắc rối, vụn vặt, không thật sự cần thiết, làm mất tự do..., vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 109- Vị nam khất sĩ nào không tụng giới cùng đại chúng ít nhất một lần trong ba tháng, trừ khi có bệnh nặng kéo dài, vị ấy phạm giới Phát lộ.
- 110- Vị nam khất sĩ nào sau một năm thọ giới lớn mà chưa bắt đầu học hỏi giới bản cổ truyền song song với giới bản tân tu, vị ấy phạm giới Phát lộ.

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong một trăm mười giới **Phát lộ**. Vị nam khất sĩ nào phạm vào một trong một trăm mười giới ấy thì phải làm lễ Phát lộ sám hối trước ba hay hai vị nam khất sĩ để được thanh tịnh trở lại.

Nay xin hỏi các vị đại đức: Đối với một trăm mười giới **Phát lộ** ấy trong đại chúng có sự thanh tịnh không?
(*ba lần*)

Các vị đại đức im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có sự thanh tịnh. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*
* *

Giới Uy nghi (Chúng học)

Các vị đại đức! Đây là bảy mươi giới **Uy nghi (Chúng học)**, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- 1- Vị nam khất sĩ không nên vừa đi vừa nói chuyện, cười giỡn, huýt gió, ca hát, gọi từ xa, nhai thức ăn, xỉa răng hoặc nói chuyện điện thoại.
- 2- Vị nam khất sĩ không nên vừa đi vừa xá chào, búng tay, đánh đàng xa, lắc lư, chạy nhảy, ngẩng đầu lên trời hoặc có vẻ vội vàng hấp tấp.
- 3- Vị nam khất sĩ không nên vừa đi vừa mặc hoặc chỉnh sửa pháp phục.
- 4- Vị nam khất sĩ không nên lết dép guốc, bước chân quá dài hoặc nện gót xuống nền.
- 5- Vị nam khất sĩ không nên nói giọng mỉa mai, xoi mói, cộc cằn hay ngắt lời người khác.

- 6- Vị nam khất sĩ nên tập nói năng nhỏ nhẹ, khoan thai, không nên nói quá nhanh và nuốt chữ hay nói quá lớn, lấn át cả tiếng người khác.
- 7- Vị nam khất sĩ không nên kể chuyện ma quái mà tưới tẩm hạt giống sợ hãi cho người khác.
- 8- Vị nam khất sĩ không nên nhái giọng điệu của người khác để trêu chọc.
- 9- Vị nam khất sĩ không nên cười quá lớn tiếng hoặc há miệng quá to. Khi ngáp hoặc xỉa răng nên che miệng lại.
- 10- Vị nam khất sĩ không nên ngồi chò hỏ hoặc vừa ngồi vừa rung đùi, lắc lư hay nhịp chân; nên ngồi cho thẳng lưng, vững vàng mà buông thư.
- 11- Vị nam khất sĩ không nên ngồi những chỗ có người đang uống rượu, ăn thịt, cờ bạc, chửi mắng, cợt nhả hoặc nói xấu kẻ khác.
- 12- Vị nam khất sĩ nên tránh nằm ngửa hoặc nằm úp, nên tập nằm nghiêng hông phải vì đó là thế an lành nhất.
- 13- Vị nam khất sĩ không nên nằm chỗ có người đang đi qua lại hoặc vừa nằm vừa đọc tụng kinh, trừ trường hợp đặc biệt.

- 14- Vị nam khất sĩ không nên chấp tay sau lưng hay chống nạnh.
- 15- Vị nam khất sĩ không nên chỉ lựa chọn thức ăn ngon.
- 16- Vị nam khất sĩ trong khi ăn không nên nhai và nuốt quá gấp, nên nhai chậm rãi khoảng 30 lần trước khi nuốt. Khi đang ăn không nên nói chuyện.
- 17- Vị nam khất sĩ không nên nhai hoặc húp lớn tiếng hoặc le lưỡi liếm thức ăn trong bát, đĩa hoặc há miệng quá to để ăn.
- 18- Vị nam khất sĩ khi ăn cơm quá đường không nên đặt bát không xuống khi những người lớn tuổi tu hơn mình còn đang ăn. Không nên đứng dậy giữa buổi ăn hoặc ăn xong rồi đứng dậy trước khi có chuông báo.
- 19- Vị nam khất sĩ không nên bỏ thừa thức ăn.
- 20- Vị nam khất sĩ nên ăn ít vào buổi chiều để trong người được nhẹ và tránh mất thì giờ nấu nướng.
- 21- Vị nam khất sĩ không nên mua những loại thực phẩm như trà, bánh... loại thượng hạng, sang trọng, đắt tiền, trừ trường hợp đặc biệt.

- 22- Vị nam khất sĩ nên giữ gìn bình bát một cách trân quý và không nên sử dụng hơn một bình bát.
- 23- Vị nam khất sĩ không nên dùng muỗng đũa khua vào bình bát.
- 24- Vị nam khất sĩ nên mặc y giáo phục chỉnh tề khi đi ra khỏi chùa.
- 25- Vị nam khất sĩ nên phơi đồ lót nơi qui định.
- 26- Vị nam khất sĩ không nên ăn mặc xốc xệch, dơ bẩn hoặc để cơ thể hôi hám nhiều ngày không tắm.
- 27- Vị nam khất sĩ nên thường xuyên vận động để sức khỏe được tráng kiện, nên học kỹ phương pháp bảo tồn tinh, khí và thần.
- 28- Vị nam khất sĩ nên chải răng sau mỗi bữa ăn. Khi chải răng không nên đi qua đi lại nói chuyện, cười giỡn.
- 29- Vị nam khất sĩ không nên ngủ chung giường với người nam cư sĩ, trừ trường hợp đặc biệt và có báo cho các vị nam khất sĩ khác biết.

- 30- Vị nam khất sĩ không nên ngủ chung giường với một vị nam xuất gia. Trường hợp thiếu giường thì cũng có thể tạm ngủ chung, nhưng không nên cùng đắp một chăn. Nếu bắt buộc đi phải đắp chung thì phải mặc quần áo đầy đủ.
- 31- Vị nam khất sĩ không nên cởi trần hay chỉ mặc quần ngắn khi ngủ.
- 32- Vị nam khất sĩ gặp ác mộng thì đừng ngủ lại ngay, nên ngồi dậy xoa bóp cho máu chảy đều hoặc bước ra ngoài đi thiền hành khoảng mười phút rồi vào ngủ lại, hoặc nếu bị chất hữu cơ tiết ra thì nên dậy sớm để tắm và thay quần áo để kịp giờ đi công phu.
- 33- Vị nam khất sĩ không nên xá chào cho có lệ mà không có chánh niệm. Mỗi khi nhận một phẩm vật do người khác trao cho cũng nên chấp tay sen búp xá chào.
- 34- Vị nam khất sĩ khi lạy năm vóc phải sát đất và quán chiếu trong tư thế phủ phục mà không nên lạy một cách máy móc.
- 35- Vị nam khất sĩ không nên đại tiểu tiện gần chỗ tháp miếu, chỗ trống trải không có vật ngăn che, trong vườn rau hay vào dòng nước chảy.

- 36- Vị nam khất sĩ nên gõ cửa ba tiếng thật khoan thai trước khi vào phòng người khác.
- 37- Vị nam khất sĩ không nên để giày dép bừa bãi, không ngay hàng thẳng lối.
- 38- Vị nam khất sĩ nên sắp xếp gọn gàng mọi thứ sau khi sử dụng xong.
- 39- Vị nam khất sĩ không nên ngâm quần áo lâu ngày mà không chịu giặt và phơi cất để tránh cho quần áo khỏi bị mục rách sớm.
- 40- Vị nam khất sĩ nên thở ba hơi thật sâu theo bài kệ thỉnh chuông trước khi thỉnh chuông, kiểng hay khánh. Khi nghe chuông thỉnh lên thì dừng lại mọi tư duy, nói năng và hành động để thực tập hơi thở chánh niệm.
- 41- Vị nam khất sĩ phải tôn trọng thời khóa của đại chúng, có mặt đầy đủ và đúng giờ để làm gương cho các bạn đồng tu.
- 42- Vị nam khất sĩ không nên vào pháp đường sau vị pháp sư và giữa pháp thoại bỏ ra ngoài. Khi nghe pháp thoại dù là bằng giảng cũng nên ngồi nghiêm trang bằng tất cả sự cung kính.

- 43- Vị nam khất sĩ khi nghe chuông điện thoại nên phát khởi chánh niệm, theo dõi hơi thở ít nhất ba lần rồi mới cầm máy lên nói. Khi nghe điện thoại phải ngồi ngay ngắn, chỉ nên nói những điều cần thiết và sử dụng ái ngữ, không nên nói quá to hoặc đùa giỡn.
- 44- Vị nam khất sĩ khi nghe người ở đầu dây điện thoại bên kia nói những chuyện không cần thiết thì dùng lời nhã nhặn xin lỗi trước khi gác ống nghe.
- 45- Vị nam khất sĩ không nên sử dụng điện thoại di động trong giờ ngồi thiền, thiền hành, tụng kinh, họp chúng hay trong lớp học.
- 46- Vị nam khất sĩ không nên vừa tắm vừa hát, đọc kinh, nói lớn tiếng hay đùa giỡn.
- 47- Vị nam khất sĩ trong khi làm bếp hoặc chấp tác cũng thực tập chánh niệm giống như ngồi thiền hay thực tập các pháp môn khác. Cần duy trì chánh niệm, đi đứng khoan thai, không vội vã hấp tấp.
- 48- Vị nam khất sĩ được tăng thân giao cho một công tác đặc biệt đừng nên cho đó là quyền hành hay cho công việc của mình quan trọng hơn công việc của người khác. Nên biết tất cả các công việc phục vụ cho tăng thân đều quan trọng như nhau.

- 49- Vị nam khất sĩ nhận lãnh một công việc dù rất đặc biệt, cũng phải làm trong thành thời, không nên lấy cố đứ mà bỏ những giờ sinh hoạt khác.
- 50- Vị nam khất sĩ nên thực tập nói lời từ chối khi cảm thấy khả năng hay tình trạng sức khỏe của mình không thể kham lãnh thêm công việc, đừng vì sợ phiền lòng mà lãnh lấy để rồi lo âu, mệt mỏi và chán nản.
- 51- Vị nam khất sĩ khi học hỏi những giáo điển siêu việt và uyên áo, phải thường tự hỏi làm sao áp dụng được giáo lý này vào đời sống hằng ngày để chuyển hóa đau khổ và đạt tới sự giải thoát.
- 52- Vị nam khất sĩ không nên chỉ đọc sách vở và kinh điển mà không thực tập những pháp môn căn bản và cốt tủy của đạo Phật để chuyển hóa phiền não và tập khí.
- 53- Vị nam khất sĩ nên đọc thêm những sách về lịch sử các nền văn minh trên thế giới, về đại cương lịch sử và giáo lý các tôn giáo, về đại cương tâm lý học áp dụng và về đại cương những khám phá hiện đại nhất trong lĩnh vực khoa học, vì những kiến thức ấy có thể giúp mình hiểu và diễn bày giáo lý cho đời một cách khế cơ.

- 54- Vị nam khất sĩ chỉ nên xin rời chúng đi tu học nơi khác khi thấy hoàn cảnh hiện tại của mình không có đủ điều kiện cho sự tiến tu. Nên chọn một tu viện mà trong đó có tăng thân tu học hài hòa và hạnh phúc.
- 55- Vị nam khất sĩ khi thấy cơn giận bắt đầu phát khởi, thì phải dừng lại mọi nói năng và hành động để quay về hơi thở chánh niệm, dừng tiếp tục nghe và chú ý tới người mà mình cho là nguyên do của cơn giận. Nếu cần thiết, có thể đi ra ngoài để thực tập thiền hành và quán chiếu để thấy được nguyên nhân chính là hạt giống giận hờn ở nơi mình.
- 56- Vị nam khất sĩ nên có một đệ nhị thân là nam xuất gia để chăm sóc và nâng đỡ, cũng như mình là đệ nhị thân của một nam xuất gia khác để được vị này chăm sóc và nâng đỡ.
- 57- Vị nam khất sĩ không nên đi ra khỏi chùa vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải thưa trình cho đại chúng biết và phải có một vị nam xuất gia khác cùng đi theo.
- 58- Vị nam khất sĩ nên mang một y lễ phục khi đi ra ngoài cách đêm.

- 59- Vị nam khất sĩ không nên vừa lái xe vừa sử dụng điện thoại, nói chuyện huyền thuyên, đùa giỡn, xem bản đồ hoặc chạy xe song song với một người khác để nói chuyện. Không nên bóp còi để trách móc xe khác hoặc chạy xe quá tốc độ cho phép.
- 60- Vị nam khất sĩ khi lên xe phải vén gọn tà áo và cài dây an toàn. Phải nhớ mang theo bằng lái và giấy tờ xe.
- 61- Vị nam khất sĩ lái xe đường xa nếu thấy buồn ngủ hoặc hơi mệt thì nên đổi người lái. Nếu không có người lái thế thì dừng lại để nghỉ ngơi cho đến khi thực sự tỉnh táo. Nên nhớ sinh mạng người ngồi trên xe nằm trong sự thận trọng của mình.
- 62- Vị nam khất sĩ không nên vào chỗ bán sách báo và tranh ảnh độc hại.
- 63- Vị nam khất sĩ không nên đùa giỡn với người bán hàng.
- 64- Vị nam khất sĩ khi ra phố gặp một vị tôn túc phải dừng lại chấp tay hỏi thăm, hoặc gặp một người xuất gia đạo khác cũng nên làm như thế.
- 65- Vị nam khất sĩ không nên về thăm gia đình thường xuyên. Có thể viết thư về gia đình để chia sẻ hạnh phúc và sự tu học của mình để gia

đình có thêm đức tin và hạnh phúc. Không nên kể về những khó khăn gặp phải trong đời sống xuất gia để gia đình khỏi bận lòng lo lắng.

- 66- Vị nam khất sĩ khi góp mặt giải quyết những tình trạng khó khăn của gia đình nên sử dụng năng lượng tâm linh và các phép lắng nghe, ái ngữ.
- 67- Vị nam khất sĩ về thăm gia đình không nên xin hết cái này đến cái khác. Được gia đình hiến tặng vật gì thì nên chia xẻ với tăng thân.
- 68- Vị nam khất sĩ khi tiếp chuyện với người cư sĩ đến chùa nên từ chối không tham dự vào những câu chuyện thị phi ngoài đời, trái lại chỉ lắng nghe những nỗi khổ niềm đau của họ, rồi căn cứ trên kinh nghiệm thực tập của mình mà cố gắng hiến cho họ những pháp môn có thể chuyển hóa được bản thân cũng như gia đình và xã hội.
- 69- Vị nam khất sĩ khi tiếp chuyện với người cư sĩ đến chùa nên cương quyết từ chối không lắng nghe những lời đàm tiếu về các vị xuất gia và các đạo tràng khác.
- 70- Vị nam khất sĩ không nên chỉ tìm cách thân cận gần gũi với người có chức quyền, giàu có hay nổi tiếng.

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong bảy mươi giới **Uy nghi (Chúng học)**. Vị nam khất sĩ nào phạm vào một trong bảy mươi giới ấy thì nên biết là sự thực tập của mình còn yếu kém, cần phải phát tâm hối quá và hứa với thầy Y chỉ là mình sẽ thực tập vững chãi hơn.

Nay xin hỏi các vị đại đức: Đối với bảy mươi giới **Uy nghi** ấy trong đại chúng có sự thực tập vững vàng không? (*ba lần*)

Các vị đại đức im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có sự thực tập vững vàng. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*
* *

Phương pháp Diệt trừ tranh chấp (Diệt tránh)

Các vị đại đức! Đây là bảy phương pháp **Diệt trừ tranh chấp (Diệt tránh)**, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- 1- Nếu cần một buổi họp của tăng thân với sự có mặt của các đương sự trong vụ tranh chấp để các vị này có thể nói ra những oan ức và đau khổ của mình, để tăng thân thực tập lắng nghe với tâm từ bi và để làm cho nhẹ bớt những khổ đau của hai bên đương sự, thì tổ chức một buổi họp như thế để giải quyết tranh chấp.
- 2- Nếu cần tổ chức một buổi họp để khuyến khích các đương sự nhớ lại và nói ra những điều gì mình đã thấy, đã nghe và đã nghĩ về cuộc tranh chấp theo phương pháp ái ngữ và lắng nghe, thì tổ chức một buổi họp như thế để giải quyết tranh chấp.

- 3- Nếu cần tổ chức một buổi họp để tuyên bố xác định đường sự trong quá khứ đã trải qua một cơn khủng hoảng tâm lý hay có bệnh tâm thần cho nên không biết là mình đã gây khó khăn và khổ đau cho kẻ khác, bây giờ hết khủng hoảng mà không còn nhớ lại được, thì tổ chức một buổi họp như thế để giải quyết tranh chấp.
- 4- Nếu cần tổ chức một buổi họp để các đường sự có cơ hội tự tỉnh, sử dụng ái ngữ nói lên sự vụng về thiếu chánh niệm và sự hối tiếc của mình để người kia cũng làm được như thế trong một cuộc thực tập xuống thang tranh chấp, thì tổ chức một buổi họp như thế để giải quyết tranh chấp.
- 5- Nếu cần tổ chức một buổi họp để chỉ định một ủy ban điều tra và nghiên cứu về nguyên ủy và bản chất của vụ tranh chấp rồi trình cho đại tăng giải quyết, thì tổ chức một buổi họp như thế để giải quyết tranh chấp.
- 6- Nếu cần tổ chức một buổi họp với mục đích lấy quyết định của đa số để giải quyết một vụ tranh chấp đã kéo dài quá lâu mà chưa giải quyết được, thì tổ chức một buổi họp để lấy quyết định của đa số mà giải quyết tranh chấp. Giải quyết xong rồi thì không được đề cập trở lại.

7- Nếu cần tổ chức một buổi họp có mặt các vị Trưởng lão và nhờ các vị Trưởng lão tuyên bố ân xá cho tất cả, khuyến khích mọi người lấy từ bi mà diệt trừ hiểm hận, như lấy rơm phủ bùn, thì tổ chức một buổi họp như thế để giải quyết tranh chấp.

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong bảy phương pháp **Diệt trừ tranh chấp**.

Nay xin hỏi các vị đại đức: Đối với bảy phương pháp ấy, trong đại chúng có học hỏi, áp dụng và thực tập không? (*ba lần*)

Các vị đại đức im lặng, vì thế tôi biết trong đại chúng có học hỏi, áp dụng và thực tập. Điều này chúng ta ý thức, ghi nhận và thông qua. (C)

*
* *

Kết Thúc

Các vị đại đức! Tôi đã tuyên thuyết xong 250 giới của nam khất sĩ, trong đó có bốn giới **Rơi rụng**, hai mươi bảy giới **Tăng thân giải cứu**, ba mươi hai giới **Buông bỏ và Phát lộ**, một trăm mười giới **Phát lộ**, bảy mươi giới **Uy nghi** và bảy phương pháp **Diệt trừ tranh chấp**. Tôi xin cảm tạ chư vị đại đức đã yểm trợ cho tôi thuyết giới một cách thanh tịnh.

(Trường hợp có duyên sự đặc biệt, không thể tụng hết 250 giới thì có thể kết thúc:

Các vị đại đức! Tôi đã lược thuyết xong giới của nam khất sĩ, trong đó có bốn giới **Rơi rụng** và _____

_____ giới _____ (liệt kê những giới đã tụng ngày hôm nay). Các giới khác, xin đại chúng các vị nam khất sĩ nên tự đọc tụng và học hỏi để cho sự hành trì giới luật của chúng ta càng ngày càng thêm sâu sắc và lớn rộng. Tôi xin cảm tạ chư vị đại đức đã yểm trợ cho tôi thuyết giới một cách thanh tịnh.)

Các vị đại đức! Giờ đây tôi xin thuyết tụng bốn phép **Nương tựa** và bốn cách **Xử sự** thiết yếu của nam khất sĩ mà đức Như Lai đã chế tác và chúng ta đã được tiếp nhận từ giáo đoàn nguyên thủy. Xin các vị hãy hết lòng lắng nghe và cố gắng hành trì.

Bốn phép Nương tựa:

- 1- Vị nam khất sĩ phải nương vào chiếc áo ca sa của mình như chim nương vào đôi cánh.
- 2- Vị nam khất sĩ phải nương vào bình bát để khất thực, thực tập hạnh khiêm cung và có cơ hội tiếp xúc độ đời.
- 3- Vị nam khất sĩ phải nương vào gốc cây, am lá hay tự viện làm chỗ dung thân, luôn luôn không lìa xa tăng thân.
- 4- Vị nam khất sĩ phải nương vào các thứ cây cỏ và thực phẩm hiền lành, đơn giản để trị bệnh.

Bốn cách Xử sự:

- 1- Vị nam khất sĩ bị người khác nhục mạ thì không nhục mạ lại.
- 2- Vị nam khất sĩ bị người khác giận thì không giận lại.
- 3- Vị nam khất sĩ bị người khác đùa giễu thì không đùa giễu lại.
- 4- Vị nam khất sĩ bị người khác đánh thì không đánh lại. (C)

+ **Bụt Tỳ Bà Thi** đã dạy:

Nhẫn nhục là hạnh đầu
Niết bàn là tối thượng
Làm đau buồn kẻ khác
Chẳng phải hạnh sa môn.

+ **Bụt Thi Khí** đã dạy:

Người nào có mắt sáng
Tránh được lối hiểm nghèo
Bạc hiền nhân trên đời
Không đi vào nẻo ác.

+ **Bụt Tỳ Xá Phù** đã dạy:

Không phỉ báng, ganh ghét
Hành trì theo giới pháp
Ăn uống biết chừng mực
Tinh tiến sống tĩnh lặng
Đó là lời Bụt dạy.

+ **Bụt Câu Lưu Tôn** đã dạy:

Như ong đi thăm hoa
Không tổn hại sắc hương
Chỉ lấy vị mật ngọt
Vị khát sĩ ra ngoài
Cũng hành xử như thế
Không sa vào thế sự
Nhìn thẳng, bước uy nghi.

+ **Bụt Câu Na Hàm Mâu Ni** đã dạy:

Tâm không để buông lung
Vững đi trên đường thánh
Tâm trí chẳng lo buồn
Nhờ an trú chánh niệm.

+ **Bụt Ca Diếp** đã dạy:

Không làm các điều dữ
Chỉ làm những điều lành
Thanh lọc tâm ý mình
Là lời chư Bụt dạy.

+ **Bụt Thích Ca Mâu Ni** đã dạy:

Bảo hộ thân và ngữ
Thanh lọc tâm ý mình
Nếu làm được như thế
Thì đạt tới vô sinh. (C)

Hôi Hương

Xin các vị đại đức chấp tay để chúng ta cùng tụng
bài hồi hương.

Tôn trọng và hành trì
Theo giới kinh màu nhiệm
Buông bỏ được sanh tử
Thực chứng được niết bàn
Đạt niềm vui cứu cánh

Giới kinh nếu vẫn còn
Là Phật pháp vẫn còn
Tụng giới và hộ giới
Làm cho Bụt thường trú
Vĩnh viễn trong thế gian. (C)

Trì thuyết giới thâm diệu
Tạo công đức vô biên
Đệ tử xin hồi hướng
Cho chúng sanh mọi miền

Pháp môn xin nguyện học
Ân nghĩa xin nguyện đền
Phiền não xin nguyện đoạn
Quả Bụt xin chúng nên. (CCC)

Giới Tăng thân giải cứu

Phương pháp thực tập Biệt trú, Làm mới và Giải tội

Nếu phạm giới Tăng thân giải cứu mà biết phát lộ ngay thì vị nam khát sĩ chỉ cần thực tập sáu ngày Làm mới gọi là **Ma-na-đỏa (Manatva)** và sau đó thì được làm lễ Giải tội. Nếu che giấu thì sau khi phát lộ phải thực tập Biệt trú trong một thời gian đúng với thời gian che giấu, sau đó mới được thực tập sáu ngày Làm mới và Giải tội. Ví dụ che giấu 40 ngày thì phải thực tập Biệt trú 40 ngày trước khi bắt đầu thực tập sáu ngày Làm mới.

Trong những ngày biệt trú, vị nam khát sĩ phải sống trong một hoàn cảnh đơn sơ thiếu tiện nghi hơn thường nhật và làm việc tay chân nhiều hơn để được nhắc nhở là mình đang biệt trú. Trong thời gian biệt trú và làm mới, vị nam khát sĩ này không được tiếp nhận sự lễ bái, không được có thị giả, không được thuyết pháp, không được dự pháp đàm, không được chấp trì các chức vụ như tri khách, tri sự...

Văn Phát lộ

Xin đại chúng lắng nghe cho con: Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới _____ và con đã che giấu trong _____ ngày mà không phát lộ. Bây giờ con xin phát lộ để nhận phép thực tập Biệt trú _____ ngày, trước khi tiếp nhận sự thực tập sáu ngày Làm mới. Xin chư tôn đức mở lòng thương chứng minh cho con.

Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian thực tập Biệt trú

Xin đại chúng lắng nghe cho con: Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới _____ và con đã che giấu trong _____ ngày mà không phát lộ. Con đã được phép đại chúng cho thực tập Biệt trú _____ ngày trước khi tiếp nhận sự thực tập sáu ngày Làm mới. Con đã thực tập được tới ngày thứ _____ và con còn phải thực tập thêm _____ ngày nữa. Con rất ý thức là con đang thực tập Biệt trú. Xin chư tôn đức mở lòng thương chứng minh cho con.

Văn xin thực tập sáu ngày Làm mới

Xin đại chúng lắng nghe cho con: Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới _____ và con đã che giấu trong _____ ngày mà không phát lộ. Con đã được phép đại chúng cho thực tập Biệt trú _____ ngày và con đã hoàn tất thời gian biệt trú ấy. Nay con xin đại chúng cho phép con bắt đầu thực tập sáu ngày Làm mới. Xin chư tôn đức mở lòng thương và chứng minh cho con.

Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian sáu ngày Làm mới

Xin đại chúng lắng nghe cho con: Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới _____ và con đã che giấu trong _____ ngày mà không phát lộ. Con đã được phép đại chúng cho thực tập Biệt trú _____ ngày và đã hoàn tất sự thực tập Biệt trú ấy. Con cũng đã được đại chúng cho thực tập sáu ngày Làm mới, và hôm nay là ngày thứ _____ của sáu ngày ấy. Con ý thức là con đang thực tập sáu ngày Làm mới trước khi làm lễ Giải tội. Xin chư tôn đức mở lòng thương và chứng minh cho con.

Văn Giải tội

Xin đại chúng lắng nghe cho con: Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới _____ và con đã che giấu trong _____ ngày mà không phát lộ. Con đã được phép đại chúng cho thực tập Biệt trú _____ ngày và nay con đã hoàn tất sự thực tập Biệt trú ấy và sáu ngày thực tập Làm mới. Bây giờ con xin chư tôn đức làm lễ Giải tội cho con. Kính xin chư tôn đức mở lòng thương và chứng minh cho con.

*
* *

Giới Buông bỏ và Phát lộ

Phương pháp sám hối trước toàn thể đại chúng hay trước ba, hoặc hai vị đại diện của tăng đoàn

Vị nam khất sĩ trình bày vật dụng hoặc ngân khoản phải được buông bỏ và giao trả cho tăng thân và nói:

- Xin đại chúng lắng nghe cho con. Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới khi nắm giữ và sử dụng những vật dụng hay của cải này. Nay con xin buông bỏ và trao lại cho tăng thân.

Vị nam khất sĩ trao lại những vật dụng hoặc của cải đó cho một vị nam khất sĩ đại diện tăng thân, rồi nói:

- Xin đại chúng lắng nghe cho con. Con là nam khất sĩ _____ đã phạm giới khi nắm giữ và sử dụng những vật dụng và của cải này. Con đã buông bỏ và giao trả cho tăng thân để tăng thân tùy nghi phân phối cho đại chúng sử dụng, hay nếu cần thì tiêu hủy. Con xin được phát lộ sám hối và hứa sẽ không làm như thế nữa. Xin chư tôn đức mở lòng thương chứng minh cho con.

Vị nam khất sĩ đại diện tăng thân đáp:

- Đại đức _____ đã biết hối cải, phát lộ và sám hối. Đại đức đã được thanh tịnh trở lại.

**Recitation Ceremony
of the Bhikshu Precepts**

Preface

The Pratimoksha is the basic book of training for Buddhist monastics. Training with the Pratimoksha, monastics purify their bodies and minds, cultivate love for all beings, and advance on the path of liberation. The Pratimoksha is not just a set of rules. It is best to understand the precepts found in the Pratimoksha as trainings, and each training in the Pratimoksha assures an area of freedom in our daily life. The term *Pratimoksha* has been translated as “different areas of freedom,” (in Chinese as Biejietuo), “freedom wherever you are” (chuchujietuo), or “walking in the direction of freedom” (diuxiajietuo). Each training has mindfulness as its foundation. Mindfulness enables us to see clearly which actions of our body, speech, and

mind help us to progress on the path of freedom and which actions pull us away from the path.

From the fifth year of his ministry¹, the Buddha began to create the Pratimoksha for his monastic community, with the help of his senior disciples. The precepts were established over several decades, each responding to the needs and situations of the Original Sangha of the Buddha. When the Buddha was about to enter Nirvana, he told the Venerable Ananda that the minor and lesser rules could be removed, so that the text would remain relevant and appropriate.² Two thousand and six hundred years went by, but this latter recommendation by the Buddha was not carried out.

A few hundred years after the Buddha's passing away, some twenty schools of Buddhism arose, each with its own *Vinaya*.³ The Vinaya is a vast and rich body of literature, whose aim is to define and organize the life of a monastic and of the community of monastics in such a way that enables the monastics to realize transformation and liberation. The Vinayas which are found in various schools of Buddhism all have their roots in the Buddha's original teachings and practice. Comparatively speaking, the monastic codes belonging to different Buddhist traditions do not differ much from one another.

The Pratimoksha is the heart of the Vinaya. It is a text that monastics have to recite twice a month in the Uposadha ceremony (Uposadha means "to nourish

purity”). In Vietnam and China, for instance, most monks and nuns recite the Pratimoksha that belongs to the Dharmagupta School of Buddhism, and in Sri Lanka, Thailand and Burma, the monks recite the Pratimoksha that belongs to the Tamrasatiya (Theravada) School. The Dharmagupta Pratimoksha for monks has 250 precepts, and the Tamrasatiya Pratimoksha for monks has 227 precepts. Except for some small differences, the texts of these two major traditions are nearly identical to one another.

Buddhism should remain a living tradition. Like a tree, the dead branches need to be pruned in order for new shoots to grow. The new shoots are the teachings and practices that respond to the needs of our present time and culture. Technological developments, mass media, and the speed of modern life have all influenced the life of monastic communities. Degradation of the monastic lifestyle is evident in places all over the world, in both Buddhist and non-Buddhist communities. To respond to this present situation a revised Pratimoksha is urgently needed.

The Dharma Teacher Council of Plum Village has consulted extensively with Vinaya teachers and ordinary monks and nuns in Vietnam and elsewhere over the past five years in order to discern the real needs of present day monastics in our effort to make the Revised Pratimoksha as relevant and practical as possible. In addition, we have drawn upon our contact with and experience of monastic life in the West over the past two decades. As

a result the revised Pratimoksha aims to offer guidance and support to current day Buddhist monastics living both in Asia and in Western countries. In revising the Pratimoksha, we have tried not to increase the number of the trainings. There are still 250 trainings for monks, and 348 for nuns – the same number of trainings which are found in the Dharmagupta Pratimoksha.

The Revised Version of the Pratimoksha (Buddhist Monastic Code) was first released on March 31, 2003 in Seoul, Korea – one of the Mahayana Buddhist countries of Asia. It took place at the Choong Ang Sangha University. In the revised Pratimoksha, we have substituted trainings that are no longer appropriate to our time with new trainings that are essential to protect the practice and integrity of monastic members. For example, the revised Pratimoksha has trainings that address issues concerning the use of cars, computers, television, mobile telephones, electronic games, e-mail, and the Internet. The trainings/precepts in the classical version of the Pratimoksha responded perfectly to the needs of the monks and nuns in the time of the Buddha. Each training arose directly from a real situation in the Buddha’s Sangha; no training is hypothetical or based on speculation. When teaching the classical Pratimoksha Vinaya teachers always share the “origin stories” of each training, which tell exactly what happened to prompt the establishment of that training. Likewise each training in the revised Pratimoksha directly addresses a real situation in present day monastic communities.

The release of the revised Pratimoksha will influence not only the Buddhist world but may also be of interest and benefit to people from other spiritual traditions.

There have been people who have asked us: Who are you to change the monastic codes made by the Buddha? The answer remains: We are children of the Buddha. We are his continuation, and we are practicing to carry out his wishes. The Buddha invested much of his time and energy to teach and train monks and nuns. Buddhism has survived until this day because there have continuously been monastic Sanghas. The purpose of the revised Pratimoksha is to protect the integrity of the monastics' practice and their freedom, so that the authentic path of liberation can continue, the career of the Buddha and his Original Sangha of monks, nuns, laymen, and laywomen.

As there has been an increasing expansion of Buddhism in the West in recent decades, we must also remember that if there were not solid, authentic monastic Sanghas, Buddhism may only be a popular movement for a certain period of time. Without a deep root in the practice and teachings of the Buddha, embodied in the monastic Sangha, a cultural revolution or movement may sweep it away without leaving any trace behind.

For Buddhism to remain a living tradition, the teaching and practice should remain relevant. The Pratimoksha should not be merely for academia or intellectual study. There are already many Vinaya

masters who are well versed in the Vinaya literature and capable of teaching and explaining it eloquently. However, the main purpose of the Pratimoksha is to offer guidance for the life of fully ordained monks and nuns (Bhikshus and Bhikshunis), so that they may live the authentic life of monastics. We are certain that the Buddha counts on the insight, intelligence, and courage of his descendants to continue making the path of liberation accessible and open to our current generation. Therefore, revising the teaching and the practice is truly necessary.

As a part of their training, fully ordained monks and nuns must spend at least five years studying the Vinaya, including the revised and the classical Pratimoksha. Monastics should not study the Vinaya as professors or specialists, but as applied practitioners, to progress on their path of practice and with a clear insight that the trainings, mindful manners, and regulations form the basis for the survival of the Sangha. The renewed and updated version of the Pratimoksha can inspire the monastic Sangha of today to wholeheartedly rediscover the integrity, simplicity, beauty, and freedom of monastic life.

We believe that making this text available to lay practitioners will nourish the practice and strength of the Four-Fold Sangha, consisting of monks, nuns, laymen, and laywomen. Reading the Pratimoksha allows lay practitioners to understand the monastic codes of conduct as well as the monastic lifestyle. Thus, they can

offer concrete support to the monastics. They will also be able to discern between authentic monastics and false ones. Consequently, they may support the former while helping the latter to go back to the right path. Reading the Pratimoksha is also an opportunity to gain inspiration to go in the direction of living our daily lives with compassion, love, and understanding in order to protect and care for ourselves, our loved ones, the environment, and living beings in all directions.

The work of revising the Pratimoksha has been done to pay tribute to our root teacher, Shakyamuni Buddha, and all our ancestral teachers, who have transmitted the wonderful Dharma to our current generation. We trust that only by keeping Buddhism truly alive and free from degradation and corruption can we be authentic descendants of the Buddha.

Zen Master Thich Nhat Hanh and
The Dharmacarya Council of Plum Village

¹ In different traditions the year the Buddha began to establish the precepts is said to have been 5, 10, 12, or 20 years and so on.

² At that time the Venerable Ananda, who was the Buddha's attendant, did not inquire which trainings specifically the Buddha was referring to

and so later after the Buddha's passing into Nirvana the senior monks did not dare to remove any of the trainings/precepts.

³ The Vinaya is one of the Three Baskets of Buddhist Scriptures, including the Sutras (discourses given by the Buddha or his senior disciples), the Sastras (commentaries on the Sutras), and the Vinaya. The Vinaya includes the Pratimoksha, the trainings/precepts for monks and nuns, and rules and regulations concerning governing the Sangha, decision making procedures (Sanghakarman), the three-month Rains' Retreat, use of material necessities and so on.

Introduction

The Revised Version of the Bhikshu Pratimoksha needs to be studied and practiced in consultation with the Classical Version transmitted to us from the time of the Buddha Shakyamuni. This fact is underlined in the 110th Expression of Regret Offence (Payantika Precept) which is as follows:

“A bhikshu who, after one year of receiving the full ordination, has not yet begun to study the Classical Pratimoksha in parallel with the Revised Pratimoksha, commits an Expression of Regret Offence.”

By studying the Classical Pratimoksha we understand and value the Revised Version and by studying the Revised Version we understand better and value more the Classical Version. If we continue the practice of studying both the Classical and the Revised Versions future generations will have the chance to study the traditional precepts from the time of the Buddha. This will also help them to understand the social situation and organization of the Sangha in the time of Shakyamuni Buddha.

The aim of the precepts is to protect the community of practice. It is to help the community to make progress in its practice and to prevent the Sangha from going astray in corrupt practices. We owe much gratitude to the Buddha and all the generations of noble teachers who have gone before us. It is they who have given us enough insight and courage to offer this new version of the precepts. We are very happy to witness the birth of this new version which our ancestral teachers have long been waiting for. We feel that we are helping realize their long-cherished hopes for a Revised Pratimoksha.

The Buddha always taught that his teachings should be studied and practiced with intelligence, just as someone who is catching a snake has to master the art of catching a snake. If not, he will be bitten by the snake. If the teachings of the Buddha are to continue to be effective in liberating our world from suffering they have to be appropriate for the people to whom they are given. They should also be in the spirit of what Shakyamuni Buddha has taught. The

Revised Version has 250 precepts just as the Classical Version. However it seeks to respond satisfactorily to the needs of monks practicing in our own time. When the Bhikshu Sangha seriously practices the Revised Version, this will reverse the backsliding which is evident in a significant number of cases of present-day bhikshus. We ask venerable monks of high standing to be compassionate in making this version of the Pratimoksha more and more accessible and appropriate to the situation of our times and to the spirit of the Buddha's teachings. It is our hope that once every twenty years the Revised Version will be updated.

Those of us who recognize an urgent need to study, recite, and practice this Revised Version should encourage our Sanghas to do so straightaway. After a few years the serious recitation and practice of this version will certainly bear fruit. The quality of the Sangha's practice will be the most obvious and powerful proof of its effectiveness and appropriateness.

The Dharmacarya Council of Plum Village

Opening the Sutra

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa

(Three times) (BELL)

The Vinaya is deep and lovely.

We now have a chance to see, study
and to practice it.

We vow to realize its true meaning. (BELL)

In the presence of the Buddhas, the precious Dharma and the Mahasangha we bow our heads. Today we shall recite the Pratimoksha so that the true teachings can remain in the world for a long time. The Precepts are like the

ocean. One lifetime alone is not enough to study and practice them. The Precepts are like precious treasures. We never grow tired in their pursuit.

It is because we want to protect our sacred inheritance of the true teachings that we have gathered today to hear the recitation of the precepts. We have gathered as a Sangha to recite the precepts because we do not want to transgress the Four Degradation Offences, the Twenty-Seven Sangha Restoration Offences, the Thirty-Two Release and Expression of Regret Offences, the One Hundred and Ten Expression of Regret Offences, the Seventy Fine Manners Offences and the Seven Ways of Putting an End to Disputes.

The Buddhas, Vipashyin, Shikhin, Vishvabhu, Krakucchanda, Kanakamuni, Kashyapa and Shakyamuni have devised these precepts for us to practice. Let us receive, study, protect and enrich them with the greatest respect, so that the Pratimoksha becomes more and more appropriate to our time always maintaining the lifeblood of the true teachings. Now I will recite the Pratimoksha for the whole Sangha to listen.

Someone who is lame is not able to walk very far. The same is true of someone who transgresses the precepts. He cannot progress on the spiritual path. If you wish to go forward on the path of transformation, healing, and awakening you should wholeheartedly practice the precepts. The one who has not observed the Precepts will

become anxious and is like a carriage on a rough and uneven road which will easily lose its axle-pin, and the axle will be broken.

Reciting the Precepts is like looking into a clear mirror to see ourselves. If the image is beautiful we are happy, if it is ugly we worry. If our precepts' body is clear we are happy. If it is damaged we worry. Reciting the precepts is like joining battle. If we are courageous we will go forward, if we are afraid we will run away. When our precepts' body is clear we are confident and at peace. When it is damaged we are anxious. In a truly democratic society the people hold the highest position. On the Earth the ocean is vaster than all lakes and rivers. Among the Holy Ones the Buddha has the highest awakening. Of all spiritual laws and regulations the Vinaya is the highest.

The Buddha has devised the Pratimoksha for us to recite once every two weeks. (BELL)



Sanghakarman Procedure

- + *Sanghakarman Master*: Has the whole community assembled?
- + *Sangha Convener*: The whole community has assembled.
- + *Sanghakarman Master*: Is there harmony in the community?
- + *Sangha Convener*: Yes, there is harmony.
- + *Sanghakarman Master*: Have those who have not yet received the Bhikshu ordination already left?
- + *Sangha Convener*: Those who have not yet received the Bhikshu ordination have already left.
- + *Sanghakarman Master*: Is there any one who is absent, has asked to be represented and has sent word that he has kept the precepts?
- + *Sangha Convener*: No, there is not. *(In the case that someone is absent we should say: Bhikshu _____ because of health reasons is not able to be*

present at the recitation. He has asked Bhikshu _____ to represent him and sends word that he has kept the precepts.)

- + *Sanghakarman Master:* Has a representative of the Bhikshuni Sangha been sent today to request teachings?
- + *Sangha Convener:* *(One can either reply: Yes, Bhikshuni _____ has been sent, or: No, no one has been sent.)*
- + *Sanghakarman Master:* Why has the community assembled today?
- + *Sangha Convener:* The community has assembled today to realize the Sanghakarman Procedure of reciting the Pratimoksha.
- + *Sanghakarman Master:* Noble Sangha of Bhikshus, please listen. Today, _____ in the year _____ has been declared to be the Precepts' Recitation day. The Sangha has gathered at the appointed time and is ready to recite the precepts in a spirit of harmony. Thus the recitation is in accordance with the Vinaya. Is the announcement of the Sanghakarman Procedure realized?

(The Sangha replies: Realized.) (BELL)

Venerable Bhikshus, I am about to recite the Bhikshu Pratimoksha. Please listen attentively and examine yourself with care. If you know that you have broken any one of the precepts, you should admit your offence. If you have not broken a precept you should remain silent. If you are silent it means that your precepts' body is clear. If anyone asks you at a later time, you should reply as you have replied today. During this recitation if you have broken a precept and, having been asked three times, you do not say so, you commit the offence of deliberately telling a lie. According to the teaching of the Buddha, deliberately lying is an obstacle to the realization of the path of liberation. If you are aware that you have broken a precept and you wish your precepts' body to be clear again, you need to admit your offence, express regret, and begin anew and after having done so you will be at peace.

Venerable Bhikshus, I have finished reading the introduction to the Pratimoksha.

Now I am asking you: In our community of Bhikshus, is everyone's precepts' body clear?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus have remained silent. Therefore we know that in the Sangha everyone's precepts' body is clear. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

Recitation

Degradation Offences (Parajika)

Venerable Bhikshus, these are the four major precepts, called Degradation Offences (Parajika), to be recited once every two weeks.

The First Precept:

A bhikshu who has sexual intercourse with another person, whether female or male, and whether that person has given consent or not, breaks the first of the Four Degradation Offences, is no longer worthy to remain a bhikshu and cannot participate in the activities of the Bhikshu Sangha.

The Second Precept:

A bhikshu who steals or violates the property of another, whether that property is privately or publicly owned, and if the value of the property is significant enough that he could be taken to court, breaks the second of the Four Degradation Offences, is no longer worthy to remain a bhikshu and cannot participate in the activities of the Bhikshu Sangha.

The Third Precept:

A bhikshu who takes the life of another person by deed, word, or intention, breaks the third of the Four Degradation Offences, is no longer worthy to remain a bhikshu and cannot participate in the activities of the Bhikshu Sangha.

The Fourth Precept:

A bhikshu who claims that he has attained realizations on the spiritual path, which he has not in fact realized, breaks the fourth of the Four Degradation Offences, is no longer worthy to remain a bhikshu and cannot participate in the activities of the Bhikshu Sangha.

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the Four Degradation Offences. When a bhikshu transgresses any one of these four precepts he has failed in his career as a bhikshu and can no longer remain in the Bhikshu Sangha.

Now I am asking you: as far as these Four Degradation Offences are concerned, is your precepts' body clear?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus have remained silent. Therefore we know that in the Sangha everyone's precepts' body is clear. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

Sangha Restoration Offences (Sanghavashesha)

Venerable Bhikshus, these are the Twenty-Seven Sangha Restoration Offences (Sanghavashesha) to be recited once every two weeks.

- 1- A bhikshu who, when motivated by sexual desire, touches the body of a woman or a man, commits a Sangha Restoration Offence.
- 2- A bhikshu who, when motivated by sexual desire, uses words which have the effect of arousing a sexual feeling in a woman or man to whom he is talking, commits a Sangha Restoration Offence.
- 3- A bhikshu who, when motivated by sexual desire, tells a woman or a man that it would be a good thing for her or him to have sexual relations with him, commits a Sangha Restoration Offence.
- 4- A bhikshu who verbally or in writing makes a proposal to another nun or monk to leave the monastic life along with him, commits a Sangha Restoration Offence.

- 5- A bhikshu who acts as a match-maker or as a go-between, or makes the arrangements for a wedding between a man and woman, or two people of the same gender, commits a Sangha Restoration Offence.
- 6- A bhikshu who, out of anger or jealousy, falsely accuses another bhikshu of a Degradation Offence, with the intention of destroying that bhikshu's reputation, commits a Sangha Restoration Offence.
- 7- A bhikshu who, out of anger or jealousy, takes a small mistake of another bhikshu and magnifies it so that it seems to be a Degradation Offence, with the intention of destroying that bhikshu's reputation, commits a Sangha Restoration Offence.
- 8- A bhikshu who uses political power to oppress or threaten other members of the monks' Sangha, commits a Sangha Restoration Offence.
- 9- A bhikshu who becomes a member of a political party or a political organization, whether secretly or openly, commits a Sangha Restoration Offence.
- 10- A bhikshu who acts as a spy, taking information from the Sangha and giving it to a political party or a political organization, commits a Sangha Restoration Offence.

- 11- A bhikshu who receives payment from the government, a political party, or a political organization, commits a Sangha Restoration Offence.
- 12- A bhikshu who does not teach the Dharma to the other monks, does not allow them to visit other places to study the sutras and to have access to clear and effective methods of practice, and as a result, the monks' study and practice remains incorrect and ineffective, commits a Sangha Restoration Offence.
- 13- A bhikshu who has only briefly read or heard about a method of practice belonging to another school of Buddhism or another tradition and has not had a chance to study or put this method into practice, yet publicly speaks or writes an article opposing it, commits a Sangha Restoration Offence.
- 14- A bhikshu who says that he does not owe any gratitude to parents, teachers, friends or benefactors, commits a Sangha Restoration Offence.
- 15- A bhikshu who cuts himself off from the Sangha to set up a hermitage or temple of his own, without the permission of the Sangha, commits a Sangha Restoration Offence.

- 16- A bhikshu who builds a hermitage or temple for himself without asking the Sangha about where or in what style he should build it, builds it larger than is necessary, and in such a way that it causes inconvenience to others or obstructs a road or path that people use, commits a Sangha Restoration Offence.
- 17- A bhikshu who, when building a hermitage or temple, becomes involved in a land dispute which leads to a lawsuit, commits a Sangha Restoration Offence.
- 18- A bhikshu who turns the practice of chanting the sutra into a way of earning money by quoting a price which should be paid to him for performing a ceremony or a funeral service, commits a Sangha Restoration Offence.
- 19- A bhikshu who uses money reserved for the material necessities of the Sangha for construction, while the monks in the temple do not have enough food, drink, or medicine, commits a Sangha Restoration Offence.
- 20- A bhikshu who lives in a careless and disorderly manner causing the laypeople's faith in the Three Jewels to diminish, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.

- 21- A bhikshu who spends all his time and energy in work, organization, and management with the result that he forgets that the aim of a monk is to practice to liberate himself and other beings from suffering, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.
- 22- A bhikshu who, by his way of speaking and acting, causes disharmony within the Sangha, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.
- 23- A bhikshu who contributes to forming conflicting groups within the Sangha, so that the energy of the practice and harmony of the Sangha goes down, thereby creating the danger of a split in the Sangha, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.
- 24- A bhikshu who contributes to forming a splinter group within the Sangha, thereby creating the danger of a split in the Sangha, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.

- 25- A bhikshu who, out of discontentment, using the support and power of the government, causes disharmony in the Sangha, and without the permission of the Sangha cuts himself off from the Sangha, persuading other members of the Sangha to follow him to set up a new community, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.
- 26- A bhikshu who obstinately refuses to listen to the advice and instruction of other bhikshus regarding his understanding and practice of the Sutra, the Vinaya, and the Sastra, saying that he does not want to be disturbed but left in peace, after having been warned three times without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.
- 27- A bhikshu who gives teachings or leads people in practices which are not in accord with the teachings of transformation, healing, and liberation presented in Buddhism, after having been warned three times by other bhikshus without listening deeply and changing his way, commits a Sangha Restoration Offence.

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the Twenty-Seven Sangha Restoration Offences. The first nineteen precepts are broken as soon as they are committed. The last eight precepts are broken when the bhikshu has been warned three times to no effect. A bhikshu who breaks one of these twenty-seven precepts and intentionally hides his offence, shall be subject to Dwelling Apart from the Sangha (Manatva) for as long as the time during which he hid the offence. After that he will practice six days of Beginning Anew before the Ceremony of Purification of the Offence.

Now I am asking you: as far as these Twenty-Seven Sangha Restoration Offences are concerned, is your precepts' body clear?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus have remained silent. Therefore we know that in the Sangha everyone's precepts' body is clear. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

*
* *
*

Release and Expression of Regret Offences (Naihsargika-Payantika)

Venerable Bhikshus, these are the Thirty-Two Release and Expression of Regret Offences (Naihsargika-Payantika), to be recited once every two weeks.

- 1- A bhikshu who keeps in his possession or uses tobacco or any kind of illegal drug which is considered to be a mind-altering substance, such as marijuana, cocaine and so on, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 2- A bhikshu who keeps and trades in worldly novels, horror stories, or horoscope and fortune-telling materials, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 3- A bhikshu who keeps for himself or for others toxic cultural items such as worldly films, video tapes, music, and electronic games, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

- 4- A bhikshu who keeps a television, video player, karaoke player, electronic games' machine, and any other kind of equipment used for showing worldly films, listening to worldly music, and playing electronic games, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 5- A bhikshu who has a private e-mail account, except with the permission of the Sangha, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 6- A bhikshu who owns his own car or uses expensive, luxurious, or flashy and brightly colored cars or telephones, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 7- A bhikshu who thinks that money and possessions can guarantee his security and seeks ways to accumulate these things so that they become an obstacle to his path of practice, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 8- A bhikshu who opens or keeps a bank account for his own use, except when he has the permission of his Sangha to study Buddhism abroad, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

- 9- A bhikshu, who makes himself the sole manager of the properties of the monastery or a charitable organization, without being designated by the Sangha to do so, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 10- A bhikshu, who uses the monastery budget or the budget of a charitable organization to give support to his relatives or friends, without the consent of other members of the Sangha or the charitable organization, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 11- A bhikshu who lends money with interest, invests money, buys and sells stocks or shares, invests in land or realstate, or plays the lottery, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 12- A bhikshu who uses a rosary made of expensive or brightly colored gems or wears objects of gold, silver, or precious stones, even though they are a keepsake of a close relation, or has a dental implant or crown made of gold or silver for cosmetic purposes or to display his wealth, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

- 13- A bhikshu who buys and stores expensive antiques and cherishes them as precious belongings, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 14- A bhikshu who keeps in his possession too many books, even if those books are sutras or connected to Buddhist studies, who is afraid to lend them to others and who refuses to entrust them to the Sangha library for communal use, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 15- A bhikshu who stores a large amount of cloth and does not hand it over to the community or share it with someone who needs it, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 16- A bhikshu who has more than three formal robes (the antaravasa, the uttarasangha, and the sanghati), more than three long robes (the ao trang and ao nhat binh), and more than three suits (vat ho) worn under the long robe (not counting work clothes or warm underwear, or coats for those living in cold places), and who refuses to hand the excess over to the Sangha for keeping for newly ordained members, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

- 17- A bhikshu who wears monastic robes made of translucent, shiny, silky, or colorful material or any kind of material which is sewn with golden thread or glittering beads, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 18- A bhikshu who makes monastic robes according to a fashionable design or in imitation of clothes worn by wealthy and powerful people, rather than robes that reflect the spirit of monastic simplicity, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 19- A bhikshu who buys personal items which are luxurious, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 20- A bhikshu who keeps and wears expensive or fashionable slippers or shoes, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 21- A bhikshu who stores a significant amount of shampoo, laundry soap, toothpaste, towels, toothbrushes, and so on, and refuses to share them with the Sangha, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 22- A bhikshu who is admitted to a hospital for treatment and stays in an expensive, private room with unnecessary luxuries, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

- 23- A bhikshu who lies on a luxurious bed, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 24- A bhikshu who decorates his room in a luxurious way with many comforts like that of people in the world, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 25- A bhikshu, who stores a significant amount of food or drink in his personal storage space and does not bring it out to share with the Sangha, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 26- A bhikshu who goes to laypeople, whether those people are or are not related to him, and collects material objects and funds for his personal use, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 27- A bhikshu, who uses an offering from a layperson not in accordance with the layperson's wishes and without informing the layperson, so that the layperson suffers or is unhappy and upset, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

- 28- A bhikshu who likes to grow crops or manufactures things to sell, even if it is to create income for the monastery, therefore neglecting the Sangha practice schedule, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 29- A bhikshu who raises animals or fowl for entertainment or with the intention to sell them and make money, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 30- A bhikshu who keeps items which belong to the whole Sangha for his personal use or gives them to someone else, without the permission of the Sangha, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 31- A bhikshu who uses what belongs to the Sangha in a way that is contrary to the Sangha's wishes, causing discontent or disharmony in the Sangha, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.
- 32- A bhikshu who uses Sangha resources in a wasteful manner, including money, water, electricity, telephone, car, and so on, commits an offence which involves Release and Expression of Regret.

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the Thirty-Two Release and Expression of Regret Offences. A bhikshu who transgresses any one of these thirty-two precepts has to come before the Sangha or before three or two other bhikshus who represent the Sangha in order to release and hand back to the Sangha the money or materials which he has been keeping, and then express his regret and begin anew.

Now I am asking you: as far as these Thirty-Two Release and Expression of Regret Offences are concerned, is your precepts' body clear?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus have remained silent. Therefore we know that in the Sangha everyone's precepts' body is clear. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

*
* *
* *

Expression of Regret Offences (Payantika)

Venerable Bhikshus, these are the One-Hundred and Ten Expression of Regret Offences (Payantika), to be recited once every two weeks.

- 1- A bhikshu who masturbates, except in a dream, commits an Expression of Regret Offence.
- 2- A bhikshu who makes an appointment to go outside the monastery alone with a laywoman or a nun, commits an Expression of Regret Offence.
- 3- A bhikshu who sits alone in a hidden or solitary place with a laywoman or a nun, commits an Expression of Regret Offence.
- 4- A bhikshu who sits alone in a car or on a boat with a laywoman or a nun, except in the case of an emergency or with the permission of the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 5- A bhikshu who writes a letter or gives a gift to a laywoman or a nun in order to show his feeling of

affection for her or to win her heart, commits an Expression of Regret Offence.

- 6- A bhikshu who is sick, and refuses to ask for help from his fellow monks or laymen, but instead allows one or more nuns or laywomen to look after him and bring him food, commits an Expression of Regret Offence.
- 7- A bhikshu who makes a telephone call to someone of the opposite sex at night, except in an emergency when he has let his fellow practitioners know that he is making this call, commits an Expression of Regret Offence.
- 8- A bhikshu who after having been reminded by four or more bhikshus that he is emotionally attached to another person, whether female or male, and who refuses to listen, denies it, tries to negate what they say, or expresses anger, commits an Expression of Regret Offence.
- 9- A bhikshu who intentionally watches animals copulating, commits an Expression of Regret Offence.
- 10- A bhikshu who tells stories about sexual relations which he has seen on films, read in books, or heard others tell and so on, commits an Expression of Regret Offence.

- 11- A bhikshu who knows that a man has an incurable disease, or is trying to avoid paying debts, or has broken a criminal law, or does not have the agreement of his wife and children to ordain, and still allows that person to receive the Novice Precepts, commits an Expression of Regret Offence.
- 12- A bhikshu who knows that a novice monk is not yet twenty years old or has not been accepted by the Sangha as an ordinee, and still allows him to receive the Bhikshu Precepts, commits an Expression of Regret Offence.
- 13- A bhikshu who has not changed his roommate after eight months, except with the permission of the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 14- A bhikshu who in anger or out of resentment hits another person, commits an Expression of Regret Offence.
- 15- A bhikshu who, during a small argument with someone, swears that he himself will fall into one of the three unwholesome destinies or something similar (such as by saying, “If I am lying, I will go to hell”), commits an Expression of Regret Offence.
- 16- A bhikshu who forces someone to swear an oath, commits an Expression of Regret Offence.

- 17- A bhikshu who says what is not true, adds or omits important details, speaks vulgar words to insult others, or speaks words that cause hatred and division, commits an Expression of Regret Offence.
- 18- A bhikshu who is angrily arguing in a loud voice and is gently encouraged by another bhikshu that he should say no more but return to his breathing or go outside to practice walking meditation in order to guard his mind, and yet does not listen and continues to argue in a loud voice, commits an Expression of Regret Offence.
- 19- A bhikshu who is offered guidance by a fellow practitioner concerning his shortcomings in the practice, and not only does not receive the guidance with gratitude and respect by joining his palms, but tries to find ways to defend himself, to avoid the subject, or to excuse himself by bringing up the shortcomings of others, commits an Expression of Regret Offence.
- 20- A bhikshu who repeatedly speaks in a way that indirectly refers to the wrongdoing done in the past by another bhikshu, commits an Expression of Regret Offence.

- 21- A bhikshu who brings up another bhikshu's past offence, although the bhikshu has already been cleared of that offence with a Sanghakarman Procedure, commits an Expression of Regret Offence.
- 22- A bhikshu who interrogates or reprimands other monks in the Sangha in the presence of laypeople or during a meal, putting them in a difficult situation, commits an Expression of Regret Offence.
- 23- A bhikshu who threatens or frightens another bhikshu in such a way that the other becomes fearful and loses his motivation, commits an Expression of Regret Offence.
- 24- A bhikshu who is requested to come and resolve a conflict with someone and continuously finds ways to avoid being present to make the reconciliation, commits an Expression of Regret Offence.
- 25- A bhikshu who refuses to accept someone else's apology, commits an Expression of Regret Offence.
- 26- A bhikshu who allows his anger to continue up to seven days and still has no intention to practice reconciliation and Beginning Anew, commits an Expression of Regret Offence.

- 27- A bhikshu who, out of hatred or discrimination, repeatedly and aggressively disputes in words or writing with other ideologies or religious faiths instead of devoting himself to his studies and practice, commits an Expression of Regret Offence.
- 28- A bhikshu who because of resentment with his fellow practitioners does not seek help from the Sangha to find ways of reconciliation and instead leaves the community to go somewhere else or goes to stay with his family for a while and then comes back again, commits an Expression of Regret Offence.
- 29- A bhikshu who does not practice to restore communication with his fellow practitioners but only complains to laypeople about difficulties and conflicts in the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 30- A bhikshu who does not use loving speech and deep listening to resolve the difficulties and disputes that have arisen between him and another monk, but instead only goes to complain to and seek an ally in a third, fourth, fifth person and so on, commits an Expression of Regret Offence.

- 31- A bhikshu who, upon hearing another monk complain about his difficulties with a third monk, makes no effort to bring about reconciliation between them, and instead allies himself with the monk who has complained to him in order to oppose the third monk, commits an Expression of Regret Offence.
- 32- A bhikshu who goes to another monastery and talks about the shortcomings and weaknesses of his former monastery in a complaining and reproachful way, commits an Expression of Regret Offence.
- 33- A bhikshu who claims to be up-to-date with the modern way of life, while he disrespectfully looks down on his teacher for being outdated and out of touch with the modern way of life, commits an Expression of Regret Offence.
- 34- A bhikshu who knows that the Sangha is about to meet to perform Sanghakarman Procedures, finds ways not to be present or pretends to be unwell and does not ask to be represented, commits an Expression of Regret Offence.
- 35- A bhikshu who, with the Sangha, has already performed a Sanghakarman Procedure, but is still annoyed and displeased about the meeting and tells someone else that he is against the Sanghakarman

Procedure that has been realized, commits an Expression of Regret Offence.

- 36- A bhikshu who has formally asked someone to represent him at a Sangha meeting and afterwards, feeling regret, looks for ways to deny the resolution that has been realized by Sanghakarman Procedure, commits an Expression of Regret Offence.
- 37- A bhikshu who does not put into effect, or encourages someone else not to put into effect a resolution that has been taken by the Sangha under Sanghakarman Procedure, commits an Expression of Regret Offence.
- 38- A bhikshu who knows that another bhikshu or bhikshuni has committed a Degradation Offence and tells someone else who is not a bhikshu or a bhikshuni about the offence intending to bring disrepute upon that bhikshu or bhikshuni, while the Sangha has not yet performed the Sanghakarman Procedure to affirm that the bhikshu or bhikshuni has committed that offence, commits an Expression of Regret Offence.
- 39- A bhikshu who talks about the faults of another monk when that monk is not present, except in the case of the practice of Shining Light, commits an Expression of Regret Offence.

- 40- A bhikshu who sees that a fellow monk is sick and does not ask about his condition and look after him or find someone else to look after him, commits an Expression of Regret Offence.
- 41- A bhikshu who has been assigned by the Sangha to distribute items among Sangha members, but out of favoritism gives more to some monks and less to others, or refuses to give anything to a monk with whom he does not get along well, commits an Expression of Regret Offence.
- 42- A bhikshu who is not in touch with and closes his eyes before suffering within himself and in the world, who only takes comfort in the offerings which laypeople make to him as a gesture of respect to the Sangha, forgetting that the aim of the practice is to find ways to transform suffering into peace and joy, after having been warned by three other bhikshus without listening deeply and changing his way, commits an Expression of Regret Offence.
- 43- A bhikshu who sees that his fellow practitioner is about to commit an offence and says nothing to dissuade him against it or to let other bhikshus know so they can dissuade him against it, commits an Expression of Regret Offence.
- 44- A bhikshu who is narrow-minded, attached to his views, maintaining that the knowledge he presently possesses is absolute and unchanging, refusing to

be open to and receive the viewpoints and insights of others, after having been warned by three other bhikshus, and still refusing to alter his attitude, commits an Expression of Regret Offence.

- 45- A bhikshu who uses authority, bribery, threat, propaganda, or indoctrination to force others, including children, to adopt his view, who does not respect the right of others to be different nor their freedom to choose what to believe and how to decide, after having been warned by three other bhikshus, and still refusing to alter his attitude, commits an Expression of Regret Offence.
- 46- A bhikshu who has relatives who are monks or nuns and uses his authority to protect them when they act wrongly or seeks ways to give them priority or privilege, commits an Expression of Regret Offence.
- 47- A bhikshu who relies on his sphere of influence due to the office he holds in the Sangha in order to overpower another bhikshu, who is his senior in years of ordination, commits an Expression of Regret Offence.
- 48- A bhikshu who uses his authority to force another bhikshu to take his side in opposing the proposal which is about to be realized by a Sanghakarman Procedure, commits an Expression of Regret Offence.

- 49- A bhikshu who is attached to his title or position of seniority in the Sangha and becomes angry or annoyed when someone does not address him according to his position or tells that person that they should correct their way of addressing him, commits an Expression of Regret Offence.
- 50- A bhikshu who only gives special treatment to his own disciples and fails to care for other students who come to ask him for mentorship, commits an Expression of Regret Offence.
- 51- A bhikshu who encourages another monk to take his side so that he can have more power to overtake fellow practitioners, commits an Expression of Regret Offence.
- 52- A bhikshu who encourages another monk to leave his teacher and root temple in order to set up his own hermitage or go to another monastery, commits an Expression of Regret Offence.
- 53- A bhikshu who speaks in a sweet and exaggerating way to win someone's heart or complains and cries to arouse others' sympathy for himself, commits an Expression of Regret Offence.
- 54- A bhikshu who spreads news that he does not know to be certain or criticizes and condemns things of which he is not sure, commits an Expression of Regret Offence.

- 55- A bhikshu who after having received donations from a layperson defends that layperson and oppresses other monks and nuns, commits an Expression of Regret Offence.
- 56- A bhikshu who accepts disciples not with the purpose to teach and nurture them on the path of practice but only to serve his own reputation or his personal work, commits an Expression of Regret Offence.
- 57- A bhikshu who forces the monks to work hard growing crops, manufacturing things to sell, and performing spiritual services for money in order to increase the income of the monastery and does not allow them enough time for their studies and practice, commits an Expression of Regret Offence.
- 58- A bhikshu who pretends that he has a serious illness in order to be cared for by donors or to obtain material offerings, commits an Expression of Regret Offence.
- 59- A bhikshu who takes advantage of charitable organizations associated with the temple in order to gather additional possessions for himself or his monastery, commits an Expression of Regret Offence.

- 60- A bhikshu who criticizes and looks down on an offering made by a donor to the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 61- A bhikshu who accepts offerings from laypeople but does not truly practice to transform himself and says that it is the duty of laypeople to bring him offerings, commits an Expression of Regret Offence.
- 62- A bhikshu who goes to a nunnery to complain about his lack of material resources in order to receive an offering, commits an Expression of Regret Offence.
- 63- A bhikshu who, out of discrimination, only meets with people who are rich or intellectual, not showing concern for those who are poor or unlearned, commits an Expression of Regret Offence.
- 64- A bhikshu who steals money or belongings of another person, tells someone else to steal them, or sees someone stealing them without finding ways to prevent it, commits an Expression of Regret Offence.
- 65- A bhikshu who breaks the promise he has made to a layperson, making that layperson angry and critical of the monastic Sangha, commits an Expression of Regret Offence.

- 66- A bhikshu who avoids heavy work and looks for light work, except in the case of illness or if he is weak and has poor health, commits an Expression of Regret Offence.
- 67- A bhikshu who assesses the value of someone by the work he does, forgetting that the quality of a monk's practice is more important than the amount of work he accomplishes, commits an Expression of Regret Offence.
- 68- A bhikshu who is not aware that the responsibility of a monastic is to offer concrete practices which help people transform their suffering, but instead focuses all his energy on charitable works, forcing the Sangha to work so hard that they neglect their program of spiritual studies and practice, commits an Expression of Regret Offence.
- 69- A bhikshu who accepts hired work to earn some money for himself, not recognizing that his monastery already has the resources to support his material needs and spiritual studies and practice, commits an Expression of Regret Offence.
- 70- A bhikshu who tells people's fortunes (by reading palms, astrology, and so on) or burns paper money for the deceased in order to earn some money, commits an Expression of Regret Offence.

- 71- A bhikshu who eats a non-vegetarian meal, even though he excuses himself by saying that he lacks nutrition, commits an Expression of Regret Offence.
- 72- A bhikshu who neglects the practice activities of the Sangha in order to produce luxurious and fancy dishes using expensive ingredients, without considering that so many people in the world are suffering from hunger, forgetting that he has committed himself to live the simple life of a monk, commits an Expression of Regret Offence.
- 73- A bhikshu who eats apart from the Sangha and eats in his room, except when he is sick or is unable to eat with the Sangha due to Sangha service, commits an Expression of Regret Offence.
- 74- A bhikshu who drinks beer, wine, or liquor of any kind, or takes any other substance that causes inebriation, except for medicinal use with the permission of the Bhikshu Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 75- A bhikshu who enters a bar or a dimly lit coffee shop to have a drink or to sit and watch people come and go, commits an Expression of Regret Offence.

- 76- A bhikshu who goes to a layperson's house or a restaurant to attend a birthday party, an engagement reception, or a wedding reception, commits an Expression of Regret Offence.
- 77- A bhikshu who celebrates his birthday in a layperson's house or a restaurant, commits an Expression of Regret Offence.
- 78- A bhikshu who goes as a spectator to sports games, cinema, or worldly concerts, commits an Expression of Regret Offence.
- 79- A bhikshu who rents and watches videos or video discs, or reads books and magazines which have a toxic effect, watering the seeds of sexual desire, fear, violence, sentimental weakness, and depression, commits an Expression of Regret Offence.
- 80- A bhikshu who watches television programs which have a toxic effect, watering the seeds of sexual desire, fear, violence, sentimental weakness, and depression, commits an Expression of Regret Offence.
- 81- A bhikshu who goes on to the Internet alone without another monk next to him as a protection against getting lost in toxic websites, commits an Expression of Regret Offence.

- 82- A bhikshu who consumes images or sounds which excite sexual desire from the Internet or the telephone, commits an Expression of Regret Offence.
- 83- A bhikshu who listens to or performs songs or music which are sad, sentimental, romantic, or exciting (such as rock music), commits an Expression of Regret Offence.
- 84- A bhikshu who plays electronic games, including those on a mobile phone or a computer, commits an Expression of Regret Offence.
- 85- A bhikshu who gambles or bets on sports games, horse races, car races, and so on, commits an Expression of Regret Offence.
- 86- A bhikshu who drives in a careless and dangerous manner, speeding, swerving between cars, recklessly passing other cars, accelerating too quickly, or racing with another car, commits an Expression of Regret Offence.
- 87- A bhikshu who marches down the street clapping his hands, shouting, waving a flag, or throwing flowers to show support for a sports team, commits an Expression of Regret Offence.

- 88- A bhikshu who goes to watch military drills or preparations for battle, people fighting or arguing with each other, a martial art performance, or a magic show, commits an Expression of Regret Offence.
- 89- A bhikshu who goes to watch animals fighting or provokes animals to fight with each other, commits an Expression of Regret Offence.
- 90- A bhikshu who abuses animals or takes their bones, horns, or skin to create art work or decorations, commits an Expression of Regret Offence.
- 91- A bhikshu who does not cultivate compassion and learn ways to protect the lives of animals, who kills an animal himself, gives consent for an animal to be killed, or does not prevent someone else from killing an animal, commits an Expression of Regret Offence.
- 92- A bhikshu who pollutes the environment, for example, by burning and destroying forests or by using toxic chemicals, commits an Expression of Regret Offence.
- 93- A bhikshu who intentionally allows his hair and beard to grow long, commits an Expression of Regret Offence.

- 94- A bhikshu who is not aware that the true beauty of a monk is found in his solidity and freedom, and instead spends too much time and care in dressing himself in order to create an outer show of attractiveness, commits an Expression of Regret Offence.
- 95- A bhikshu who when going into a town, village, or market wears lay clothing or a wig, commits an Expression of Regret Offence.
- 96- A bhikshu who separates himself from the Sangha and rents his own lodgings, commits an Expression of Regret Offence.
- 97- A bhikshu who sleeps overnight in a layperson's house, even for Sangha service, and at least one other male practitioner does not accompany him, except in special circumstances with the permission of the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 98- A bhikshu who stays longer than one week in a layperson's house, except with the permission of the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 99- A bhikshu who commits himself to a special relationship with a layperson by asking that person to be his father, mother, brother, sister, son,

daughter, or grandchild, commits an Expression of Regret Offence.

- 100- A bhikshu who undertakes a course of study with the purpose of being awarded a bachelor's degree, master's degree, or doctorate in engineering, medicine, pharmacy, or other worldly subjects, except in the case that the course is in Buddhist studies, commits an Expression of Regret Offence.
- 101- A bhikshu who spends all his time studying worldly subjects, therefore neglecting to learn spiritual teachings and practice, commits an Expression of Regret Offence.
- 102- A bhikshu who immerses himself in and is carried away by his work and as a result fails to maintain good relationships between himself and other members of the Sangha, commits an Expression of Regret Offence.
- 103- A bhikshu who leaves his mentor before he has completed his fifth Rains' Retreat, or even after this time if his practice is still weak, commits an Expression of Regret Offence.
- 104- A bhikshu who does not complete the three-month Rains' Retreat once a year, commits an Expression of Regret Offence.

- 105- A bhikshu who, after the boundaries have been officially declared for the Rains' Retreat, goes outside the boundaries for the same number or more days than he stays within the boundaries, even if his reason for going outside is to teach, study, or to do charitable work, commits an Expression of Regret Offence.
- 106- A bhikshu who has not yet completed ten Rains' Retreats and transmits the Bhikshu Precepts, commits an Expression of Regret Offence.
- 107- A bhikshu who has not mastered the Vinaya and therefore performs a Sanghakarman Procedure or makes the affirmation of an offence in a way which is not in accordance with the Vinaya, thus causing the Sangha to lose its peace, joy, and harmony, commits an Expression of Regret Offence.
- 108- A bhikshu who complains about the precepts and fine manners, saying that the articles presented are bothersome, too complicated, too detailed, not truly necessary, and that they take away one's freedom, commits an Expression of Regret Offence.
- 109- A bhikshu who does not recite the Pratimoksha with the Sangha at least once in three months, unless he has a long-lasting and serious illness, commits an Expression of Regret Offence.

110- A bhikshu who, after one year of receiving the full ordination, has not yet begun to study the Classical Pratimoksha in parallel with the Revised Pratimoksha, commits an Expression of Regret Offence.

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the One Hundred and Ten Expression of Regret Offences. A bhikshu who transgresses any one of these one hundred and ten precepts has to express his regret and begin anew before three or two bhikshus in order to make his precepts' body clear.

Now I am asking you as far as these One Hundred and Ten Expression of Regret Offences are concerned, is your precept's body clear?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus have remained silent. Therefore we know that in the Sangha everyone's precepts' body is clear. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

*
* * *

Fine Manners Offences (Shaiksha)

Venerable Bhikshus, these are the Seventy Fine Manners Offences (Shaiksha), to be recited once every two weeks.

- 1- A bhikshu, while walking, should not talk, laugh, joke, whistle, sing, shout to someone far off, chew his food, use a tooth pick, or talk on the telephone.
- 2- A bhikshu, while walking, should not join his palms in greeting, snap his fingers, swing his arms, sway his body, move his arms and legs as if he were dancing, skip, turn his face up to the sky, or walk in haste.
- 3- A bhikshu, while walking, should not be putting on clothes or adjusting his robe.
- 4- A bhikshu, while walking, should not drag or stamp his feet, nor take very long strides.
- 5- A bhikshu should not speak in such a way to probe into someone's personal life to discover his faults

or speak with a sharp, sarcastic, or rough voice, nor should he interrupt someone who is speaking.

- 6- A bhikshu should practice to speak softly and slowly, not talking too fast and swallowing his words, nor speaking so loudly that his voice drowns the voices of others.
- 7- A bhikshu should not tell ghost or horror stories which water the seeds of fear in another person.
- 8- A bhikshu should not imitate someone else's way of speaking or manner in order to make fun of that person.
- 9- A bhikshu should not laugh too loudly, open his mouth too wide, nor yawn or pick his teeth without covering his mouth.
- 10- A bhikshu should not squat, but rather he should sit solidly and at ease with his back upright, not shaking his legs, or swinging or tapping his feet.
- 11- A bhikshu should not sit in a place where people are drinking alcohol, eating meat, gambling, using abusive language, disrespectfully teasing each other, or speaking badly about others.
- 12- A bhikshu should practice lying on his right side to go to sleep as this is the most peaceful and healthy position.

- 13- A bhikshu should not lie down in a place where people pass by, nor should he read or chant the sutras when lying down, except in special cases.
- 14- A bhikshu should not stand with his hands on his hips, nor should he hold his hands behind his back.
- 15- A bhikshu should not choose only the best tasting food for himself.
- 16- A bhikshu, while eating, should not talk and should not chew and swallow his food in a rush, but should chew each mouthful slowly about thirty times before swallowing.
- 17- A bhikshu should not chew and slurp loudly, lick the food from his bowl or plate with his tongue, nor open his mouth too wide when putting food into it.
- 18- A bhikshu, in a formal meal, should not put down his empty bowl when those who have been ordained longer than him are still eating. He should not stand up in the middle of the meal, nor stand up as soon as he has finished eating, before the sound of the bell.
- 19- A bhikshu should not leave leftover food when he is finished eating.

- 20- A bhikshu should eat lightly in the evening so that he feels light in body and avoids wasting time cooking.
- 21- A bhikshu should not buy luxurious and expensive food items, such as tea, sweets and so on, except in special cases.
- 22- A bhikshu should care for his alms bowl with respect and should not use more than one alms bowl.
- 23- A bhikshu should not make noise with his spoon or chopsticks against his alms bowl.
- 24- A bhikshu should always be neatly dressed wearing his long robe when he goes outside the monastery.
- 25- A bhikshu should dry undergarments in the designated place.
- 26- A bhikshu should not dress untidily or wear dirty robes and should bathe regularly enough so that his body does not have odors.
- 27- A bhikshu should exercise regularly so that he remains strong and healthy and should learn the way to conserve the three energies (sexual, breath, and spirit).

- 28- A bhikshu should clean his teeth after every meal and while cleaning his teeth should not walk back and forth, talk, laugh, or joke.
- 29- A bhikshu should not sleep on the same bed with a layman, except in special circumstances for which he has informed the other bhikshus.
- 30- A bhikshu should not sleep on the same bed with another monk. In the case in which there are not enough beds, it is possible to share a bed temporarily, but they should not use the same blanket. In the case in which there is no other option and they have to share a blanket, they should be fully clothed.
- 31- A bhikshu should not sleep without wearing a shirt and should not sleep wearing only shorts.
- 32- A bhikshu who has a nightmare should not allow himself to go back to sleep immediately, but should sit up and massage so that the blood circulates evenly or practice walking meditation outside for ten minutes before going back to sleep. If while sleeping, he has a seminal emission he should rise early to take a shower and change his clothes so that he is on time for the early morning sitting and chanting.

- 33- A bhikshu should not join his palms to bow in a mechanical way, without mindfulness and when receiving something offered by someone, he should bow, joining his palms like a lotus bud.
- 34- A bhikshu should practice looking deeply while touching the earth, not just prostrating mechanically, and in this position his four limbs and forehead should touch the ground.
- 35- A bhikshu should not urinate or defecate near a stupa or shrine, in a place which is not shielded from view, in a vegetable plot, or in a flowing body of water.
- 36- A bhikshu should knock slowly three times before entering someone else's room.
- 37- A bhikshu should not leave his shoes or slippers untidily but should leave them neatly in a straight line.
- 38- A bhikshu should neatly arrange and tidy everything when he is finished using it.
- 39- A bhikshu should not leave his clothes soaking for a long period of time without washing and drying them so that they do not disintegrate in a short time.

- 40- A bhikshu, before inviting the sound of any bell, should breathe in and out mindfully three times and recite the gatha for inviting the bell. When he hears the sound of the bell, he should stop all thinking, speech, and movement, and practice mindful breathing.
- 41- A bhikshu should respect the schedule of the Sangha by being present and arriving on time for all activities so that he may be a model for his fellow practitioners.
- 42- A bhikshu should not arrive in the Dharma Hall after the teacher has arrived and should not leave in the middle of the Dharma talk. While listening to a recording of a Dharma talk he should sit upright, listening with all his attention and respect as he would in the Dharma Hall.
- 43- A bhikshu, when hearing the telephone ring, should give rise to mindfulness, returning to his breathing for at least three breaths before picking up the telephone. He should use the telephone only for necessary conversations, sitting in an upright posture, using loving speech, and without speaking too loudly, teasing, or joking.
- 44- A bhikshu, upon hearing the person on the other end of the line making unnecessary conversation, should find a way to politely excuse himself before hanging up the telephone.

- 45- A bhikshu should not use a portable telephone during sitting or walking meditation, sutra chanting, Sangha meetings, or study classes.
- 46- A bhikshu, while bathing, should not sing, recite the sutra, talk loudly, tease, or joke.
- 47- A bhikshu, while cooking or working, should practice mindfulness just as he does during sitting meditation or other Dharma practices and should move around in a calm manner, without rushing.
- 48- A bhikshu who is given a special task by the Sangha should not use it in such a way to give him authority or consider that his work is more important than others' work. He should be aware that all kinds of work done to serve the Sangha are equally important.
- 49- A bhikshu, when receiving a task from the Sangha, no matter how important it is, should always do it with ease and freedom, not taking advantage of it to unnecessarily excuse himself from activities of the Sangha.
- 50- A bhikshu should not take on more work beyond his capability or state of health. He should not be afraid of inconveniencing others and accept more work, which will then make him anxious, tired, and dispirited.

- 51- A bhikshu who is studying teachings of a profound, metaphysical, and mystical nature, should constantly ask himself how he may apply these teachings in his daily life to transform his suffering and realize liberation.
- 52- A bhikshu should not only read books and sutras without applying the basic and essential practices of Buddhism in order to transform her afflictions and habit energies.
- 53- A bhikshu, in addition to reading books on Buddhism, should also read books on the history of civilizations of the world, general history and teachings of other religious faiths, applied psychology, and the most recent scientific discoveries. These areas of knowledge can help him to understand and share the teachings to people in a way that is appropriate to their situation.
- 54- A bhikshu should only ask to leave his Sangha and practice elsewhere when he sees that there are not enough conditions for his progress in his present situation. He should choose to go to a monastery where there is harmony and happiness in the Sangha.

- 55- A bhikshu, when he sees anger arising in himself, should not say or do anything, but practice mindful breathing, not continuing to listen and give attention to the person whom he thinks is the cause of his anger. If necessary he may go outside to practice walking meditation to look deeply, recognizing that the main cause of his anger is the seed of anger within himself.
- 56- A bhikshu should have another monk as a second body to look after and support, just as he himself is the second body of another monk who supports and looks after him.
- 57- A bhikshu should not go outside the monastery at night, except in an emergency. If he does have to go outside he should let the Sangha know and another monk should accompany him.
- 58- A bhikshu should bring one formal robe with him if he has to be away from his monastery overnight.
- 59- A bhikshu, while driving, should not make unnecessary conversation, tease, joke, talk on the telephone, or read the map. He should not drive his vehicle alongside another vehicle to hold a conversation with the driver of the other vehicle nor honk the horn of his car in irritation at another vehicle. He should not drive faster than the official speed limit.

- 60- A bhikshu, while driving, should wear his seat belt, should have his driver's license and the official papers of the car he is driving with him. When getting into a car or onto a motorbike he should arrange his robes so that they do not hang outside the car or get stuck in the wheel of the motorbike.
- 61- A bhikshu, if during a long driving trip, begins to feel sleepy or tired should ask someone else to drive. If there is no one to replace him he should stop the car and rest until he feels refreshed and awake, remembering that the lives of the passengers in the car he is driving depend on his careful attention.
- 62- A bhikshu should not go into a shop or area where toxic books, magazines, and posters are displayed or sold.
- 63- A bhikshu should not tease and joke with a vendor.
- 64- A bhikshu who, going outside of the monastery, meets a high monk or nun of his own tradition should stop, join his palms, and exchange greetings with him or her. If he meets a monk or nun of a different tradition he should do the same.

- 65- A bhikshu should not visit his family more frequently than the Sangha's guidelines allow. He may regularly write home to his family, sharing his happiness and spiritual practice so that his family's happiness and faith in the practice increases. He should not tell his family about the difficulties he encounters in his life as a monk in such a way that they become concerned and anxious about him.
- 66- A bhikshu, when helping to resolve difficult situations in his family, should use his energy of mindfulness and share the practices of deep listening and loving speech.
- 67- A bhikshu, when visiting his family, should not keep asking for one thing after another, and when his family gives him something he should share it with the Sangha.
- 68- A bhikshu, when receiving and talking with visiting laypeople in the monastery, should refrain from taking part in conversations about worldly matters containing blame, criticism, or discrimination. Rather he should listen deeply to the lay practitioner's suffering, and using his own experience in the practice should offer concrete practices which will help the lay practitioner transform himself as well as the situation in his family and society.

69- A bhikshu, when receiving and talking with visiting laypeople in the monastery, should not listen to tales about the shortcomings of other practice centers or monks or nuns from other temples.

70- A bhikshu should not try to find ways to be in close contact only with people who are powerful, wealthy, or famous.

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the Seventy Fine Manners Offences (Shaiksha). A bhikshu who transgresses any one of these seventy offences should know that his practice is still weak. He should give rise to a feeling of remorse and promise to his mentor that he will practice more solidly.

Now I am asking you: as far as these Seventy Fine Manners Offences are concerned, have you practiced with stability?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus have remained silent. Therefore we know that in the Sangha the fine manners have been practiced with stability. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

*
* *

Ways of Putting an End to Disputes (Sapta dhikarana-shamatha-dharma)

Venerable Bhikshus, these are the Seven Ways of Putting an End to Disputes (Sapta dhikarana-shamatha-dharma), to be recited once every two weeks.

- 1- If a meeting of the Sangha is needed with the presence of those who are involved in the dispute so that they can talk about the injustice and suffering they have experienced, and during this meeting the Sangha can practice deep and compassionate listening in order to relieve the suffering of both sides, then let the Sangha call such a meeting to resolve the dispute.
- 2- If a meeting is needed to encourage those involved in the dispute to recall and tell what they have seen, heard, and thought about the dispute in the spirit of deep listening and loving speech, then let such a meeting be called to resolve the dispute.

- 3- If a meeting is needed to affirm that a person involved in the dispute was going through a mental crisis or illness at the time of the dispute and did not know that he was causing difficulties and making others suffer, and now that the crisis is over he still cannot remember well what happened, then let such a meeting be called to resolve the dispute.
- 4- If a meeting is needed to give those who are involved in the dispute an opportunity to recognize and acknowledge their own unskillfulness and lack of mindfulness, wherein one person first expresses his unskillfulness, lack of mindfulness, and regrets using loving speech, and then the other person(s) will be encouraged to do the same, helping to de-escalate the conflict, then let such a meeting be called to resolve the dispute.
- 5- If a meeting is needed to appoint a committee to investigate and study the causes and nature of the dispute, and after investigating this committee should present a report to the Bhikshu Sangha so that they can resolve the dispute, then let such a meeting be called to resolve the dispute.
- 6- If a meeting is needed to resolve the dispute by means of a majority vote, since the dispute has gone on so long unresolved, and after the decision

by majority is made no one can bring the matter up again, then let such a meeting be called to resolve the dispute.

- 7- If a meeting in the presence of the most respected elders of the community is needed to resolve a dispute and in this meeting the elders will declare a general amnesty, encouraging everyone to use their compassion to put an end to resentment, like laying straw on the mud, then let such a meeting be called to resolve the dispute.

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the Seven Ways of Putting an End to Disputes.

Now I am asking you: has everyone in the Sangha studied, practiced and observed these Seven Ways of Putting an End to Disputes?

(The question is asked three times.)

The Venerable Bhikshus are silent. Therefore we know that in the Sangha everyone has studied, practiced and observed these Seven Ways of Putting an End to Disputes. Let us be aware of this, recognize it, and give it our approval. (BELL)

*
* *
*

Conclusion

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the 250 Bhikshu Precepts; including the Four Degradation Offences, the Twenty-Seven Sangha Restoration Offences, the Thirty-Two Release and Expression of Regret Offences, the One Hundred and Ten Expression of Regret Offences, the Seventy Five Manners Offences and the Seven Ways of Putting an End to Disputes. I wish to thank the Venerable Bhikshus for helping me to recite the precepts serenely.

(In the unusual circumstance that we cannot recite all 250 of the Bhikshu Precepts we can use the following conclusion:

Venerable Bhikshus, I have finished reciting the 250 Bhikshu Precepts; including the Four Degradation Offences and _____ *(list the precepts which were recited today)*. You should read and study for

yourself the remaining precepts so that your practice of the precepts can deepen and grow more extensive day by day. I wish to thank the Venerable Bhikshus for helping me to recite the precepts serenely.)

Venerable Bhikshus, now I will recite the Four Objects of Refuge and the Four Ways of Meeting with Certain Situations, the essential practices of a bhikshu that have been devised by the Buddha and transmitted to us from the Original Sangha of the Buddha. Please listen wholeheartedly and put them into practice.

Here are the Four Objects of Refuge:

- 1- A bhikshu takes refuge in his sanghati robe as a bird relies on its wings.
- 2- A bhikshu takes refuge in his begging bowl in order to practice humility, to have the opportunity to be in contact with laypeople and to help them realize awakening.
- 3- A bhikshu takes refuge in the foot of a tree, a hermitage, or a monastery as his dwelling place, and never leaves his Sangha.
- 4- A bhikshu takes refuge in plants, herbs and simple, wholesome foods in order to cure disease.

Here are the Four Ways of Meeting with Certain Situations:

- 1- A bhikshu who is insulted by someone, shall not insult that person in return.
- 2- A bhikshu whom someone is angry with, shall not be angry with that person in return.
- 3- A bhikshu who is belittled by someone, shall not belittle that person in return.
- 4- A bhikshu who is beaten by someone, shall not beat that person in return. (BELL)

+ **Buddha Vipashyin** has taught:

Inclusiveness is the first practice
Nirvana is the final aim.
To make others suffer
is not the practice of a monastic.

+ **Buddha Shikhin** has taught:

Someone whose eyes are bright
avoids perilous paths.
The wise ones in the world
do not fall into realms of suffering.

+ **Buddha Vishvabhu** has taught:

Not denigrating or envious of others,
practicing and observing the precepts,
eating and drinking with moderation

diligently dwelling in peace.
This is what the Buddha teaches.

+ **Buddha Krakucchanda** has taught:

Just as when the bee visits the flower,
it does not destroy its fragrance and beauty,
but only removes the sweet nectar.
A bhikshu when going out into the world
practices like that.
He does not get caught in worldly matters.
He looks straight ahead, walks mindfully.

+ **Buddha Kanakamuni** has taught:

Someone who masters his mind,
walking steadily on the holy path,
has nothing to worry about,
since he dwells in mindfulness.

+ **Buddha Kashyapa** has taught:

Someone who does not cause others to suffer,
who is diligent in doing goodness,
purifies his mind.
This is what the Buddha teaches.

+ **Buddha Shakyamuni** has taught:

By guarding our actions of body and speech,
we purify our minds.
If you are able to do this,
you realize your nature of no-birth and no-
death. (BELL)

Sharing the Merit

Venerable Bhikshus, please join your palms so that we can offer up the merit of our recitation together.

To respect and put into practice
the wonderful Pratimoksha,
to leave behind the world of birth and death
and be able to realize Nirvana,
is to realize the highest happiness.

For as long as the precepts endure,
the teachings of the Buddha endure.
To recite and protect the precepts
means that the Buddha is always present,
forever in the world. (BELL)

Reciting the Vinaya,
practicing the way of awareness,
gives rise to benefits without limit.
We vow to share the fruits with all beings.
We vow to offer tribute to parents, teachers,
friends, numerous beings
who give guidance and support along the path.
(THREE BELLS)

Sangha Restoration Offence

Methods for Practicing Dwelling Apart, Beginning Anew and Purifying the Offence

If a bhikshu transgresses a Sangha Restoration Offence and admits his offence on the same day, he only needs to practice six days of Beginning Anew. After that, the offence can be formally declared purified with a Sanghakarman Procedure. If he hides his offence, then after he has admitted it, he has to practice Dwelling Apart (Manatva) for as many days as he concealed the offence. After that, he practices six days of Beginning Anew and then asks the Sangha to declare the offence purified. For example, if he has concealed his offence for forty days, he has to practice Dwelling Apart for forty days before he begins to practice six days of Beginning Anew.

During the time he practices Dwelling Apart, he should live more simply than usual, deprived of certain comforts and he should practice more manual work than normal, in order to be reminded that he is practicing Dwelling Apart. During this time, he cannot receive the prostration of others, he cannot have an attendant, he cannot teach the Dharma, he cannot attend Dharma Discussions, and he cannot hold positions such as Guest Master, Work Co-ordinator and so on.

Text of Admitting a Sangha Restoration Offence

Noble Sangha, please listen to me: I am bhikshu _____. I have transgressed the precept _____. I have hidden the offence for _____ days before admitting my offence. Now I admit my offence and ask to receive a period of Dwelling Apart for _____ days before practicing a further six days of Beginning Anew. Venerable Bhikshus, please be compassionate and bear witness to my request.

Text of an Announcement to be made everyday while Practicing Dwelling Apart

Noble Sangha, please listen to me: I am bhikshu _____. I have transgressed the precept _____. I hid the offence for _____ days before admitting my offence. The Sangha is allowing me to practice a period of Dwelling Apart for _____ days before practicing six days of Beginning Anew, and today I am practicing my _____th day and I have _____ more days to practice. I am fully aware that I am practicing Dwelling Apart. Venerable Bhikshus, please be compassionate and bear witness to my announcement.

Text to Request to Practice Six Days of Beginning Anew

Noble Sangha, please listen to me: I am bhikshu _____. I have transgressed the precept _____. I hid the offence for _____ days before admitting my offence. The Sangha allowed me to practice a period of Dwelling Apart for _____ days, and I have completed that period of practice. Now I request the Sangha to allow me to begin the practice of Beginning Anew for six days. Venerable Bhikshus, please be compassionate and bear witness to my request.

Text of an Announcement to be made everyday while Practicing Six Days of Beginning Anew

Noble Sangha, please listen to me: I am bhikshu _____. I have transgressed the precept _____. I hid the offence for _____ days before admitting my offence. The Sangha allowed me to practice a period of Dwelling Apart for _____ days, and I have completed that period of Dwelling Apart. I have also been allowed to practice six days of Beginning Anew, and today I am practicing my _____th day

and I have _____ more days to practice. I am fully aware that I am practicing six days of Beginning Anew before the formal purification of my offence. Venerable Bhikshus, please be compassionate and bear witness to my announcement.

Text for Requesting Purification of a Sangha Restoration Offence

Noble Sangha, please listen to me: I am bhikshu _____. I have transgressed the precept _____. I hid the offence for _____ days before admitting my offence. The Sangha allowed me to practice a period of Dwelling Apart for _____ days, and I have completed that period of practice and six days of Beginning Anew. Venerable Bhikshus, now I am requesting you to formally purify my offence. Please be compassionate and bear witness to my request.

*

* *

Release and Expression of Regret Offence

**Methods for Practicing Expressing Regret
and Beginning Anew to be made before
the whole Sangha or before three or two
bhikshus representing the whole Sangha**

*The bhikshu presents the object or money that he
wishes to release and hands it to the Sangha, and says:*

- Noble Sangha, please listen to me. I am bhikshu _____. I transgressed the precepts in holding and using this object, money or possession. Now I wish to release it and hand it over to the Sangha.

*The bhikshu hands the object or money to a bhikshu
who is representing the Sangha and says:*

- Noble Sangha, please listen to me. I am bhikshu _____. I transgressed the precepts in holding and using this object, money or possession. Now I have released it and handed it over to the Sangha so that the Sangha can do with it whatever they see fit or, if necessary, destroy it. I wish to admit my transgression and express my regret. I promise I shall not do this again. Venerable Bhikshus, please be compassionate and bear witness to this expression of my regret.

The bhikshu who is representing the Sangha says:

- Bhikshu _____, you have been able to admit your offence, express your regret and begin anew. Your precepts' body is again clear.

